

### CHƯƠNG III

## TRUNG HOA CỘNG SẢN

### A- ĐẢNG VÀ HIẾN PHÁP NĂM 1954.

#### Thành phần của đảng

Năm 1927, sau khi các cuộc nổi dậy của thợ thuyền thất bại ở các thị trấn, Mao Trạch Đông quyết dựa vào nông dân, vì theo ông, ở Trung Hoa nông dân chiếm 80-90% dân số, không có họ thì cách mạng không thể thành công được. Thời đó ông nghĩ rằng lực lượng cách mạng phải gồm 70% nông dân, 30% thị dân và quân đội.

Sau ông thấy chủ trương đó sai (khi in lại tác phẩm của ông, ông bỏ đoạn đó đi). Không có thợ thuyền (vô sản) hướng dẫn thì nông dân không làm được gì cả;

mà thợ thuyền không có một tổ chức tiến bộ <sup>(1)</sup> - tức Đảng cộng sản - hướng dẫn thì cũng không thành công. Cho nên năm 1945 ông bảo “Đảng cộng sản chúng tôi bao giờ cũng giữ quan điểm vô sản”.

Năm 1949, khi cộng sản chiếm các thị trấn rồi, Ủy ban trung ương của Đảng quyết định thay đổi trung tâm hoạt động của Đảng, rần tấp thành phần vô sản lên. Năm 1954, riêng ở Thượng Hải - Thành phố công nghệ lớn hạng nhì Trung Quốc - có hàng ngàn thợ nhà máy được vô Đảng. Nhưng vai trò của nông dân vẫn quan trọng. Những giai cấp khác mà “tiến bộ”, nghĩa là chấp nhận quan điểm vô sản thì cũng được vô đảng.

#### Qui chế :

Qui chế của đảng được vạch rõ năm 1956. Đại khái như sau :

Đại hội Toàn quốc được bàn trong kì hạn 5 năm, và theo lí thuyết, mỗi năm họp một lần để quyết định chính sách, đường lối của Đảng. Đại hội bầu Ủy ban trung ương - cũng trong 5 năm gồm 98 ủy viên chính thức và một số dự khuyết. Chủ tịch là Mao Trạch Đông.

Ủy ban trung ương lại bầu “bộ chính trị” gồm 19 ủy viên. Bộ này quyết định về hoạt động của Đảng và đời sống của toàn quốc.

Bộ lại cử ra bảy ủy viên đứng đầu vào ủy ban thường trực của bộ. Họ có quyền tối cao.

Ở cấp tỉnh, huyện, các hội nghị và ủy ban cũng tổ chức như trung ương.

Điểm này rất quan trọng : Các tổ chức của Đảng

(1) Thành phần tiến bộ đó, bất kỳ trong đảng cách mạng nào, mới đầu cũng là giới trí thức tiểu tư sản tr.521-522.

chỉ huy các tổ chức quốc gia, từ trên xuống dưới. Chủ tịch hội đồng quốc gia (tức như Tổng thống ở các nước Mi, Pháp), chủ tịch hội đồng bộ trưởng (tức như Thủ tướng) phải theo lệnh của ủy ban trung ương Đảng, của bí thư Đảng. Ở tỉnh huyện, ủy ban hành chánh phải theo lệnh của bí thư đảng bộ tỉnh hay huyện. Tổ chức đó y hệt Nga (Liên Xô), mà Việt Nam cũng vậy.

#### **Ý thức hệ :**

Về ý thức hệ Mác-xít chúng ta chỉ cần nhớ mấy điểm này :

- Giai cấp đấu tranh là hiện tượng thời nào cũng xảy ra từ xưa tới nay, muốn vô đảng thì phải chấp nhận quan điểm đó; phải quyết tâm diệt các giai cấp thù địch, tức : Bọn đế quốc, đại diện chủ, quan liêu... Như vậy là có lập trường giai cấp.

- Thiếu số phải phục tùng đa số. Khi thảo luận về một vấn đề thì đảng viên có thể đưa ý kiến riêng của mình, bênh vực nó, nhưng khi đa số đã quyết định rồi thì dù ngược với ý kiến của mình, mình cũng phải theo triệt để, có vậy đảng mới thống nhất, mới mạch lạc được.

- Quan niệm tự do của những người không phải Mác-xít là tự do giữ quan điểm ý kiến của mình, đối với người Mác-xít, trái lại, chỉ được tự do phát biểu quan điểm Mác-xít thôi.

#### **Cấp bậc, quyền hành :**

Cộng sản có mục đích diệt tất cả các giai cấp thù địch; khi diệt xong thì trong xã hội chỉ còn người cộng sản, không còn giai cấp nữa, do đó không còn giai cấp đấu tranh nữa. Nhưng trong giai đoạn hiện tại chưa có thể có bình đẳng được, không thể ai ai cũng có

quyền và hưởng lợi như nhau được; vẫn còn phải theo nguyên tắc, làm theo khả năng mà hưởng theo công việc của mình, quan trọng nhiều hay ít, theo sức của mình làm được nhiều hay ít. Nghĩa là vẫn có nhiều cấp bậc.

Ở Trung Hoa có bảy cấp bậc :

1. Trên cùng là Bộ chính trị (Polit-buro).
2. Rồi tới những người nắm những chức vụ quan trọng nhất : chỉ huy Đảng ở địa phương, chỉ huy quân đội, ủy viên chính trị trong quân đội...
3. Bí Thư Đảng ở tỉnh, chỉ huy các cơ quan quần chúng...
4. Các nhà chuyên môn, kĩ thuật gia.
5. Công chức ở tỉnh, cán bộ trung cấp, hạ cấp.
6. Quần chúng gồm : lính tráng, thanh niên, hợp tác xã viên...
7. Cuối cùng là hạng hoàn toàn không ở trong một tổ chức nào cả, số người trong hạng này mỗi ngày một giảm đi.

Tuy chia làm 7 cấp như vậy, nhưng trong mỗi cấp cũng chia làm hai ba bậc nữa, mỗi bậc được đãi ngộ khác nhau, có những quyền lợi khác nhau, về lương bổng, nhà cửa, nhu yếu phẩm, y phục, thuốc thang v.v... Tôi chỉ xin kể một thí dụ : có đường đường riêng cho cấp 1, cho cấp 2, cho cấp 3 v.v...; trong mỗi cấp, có phòng riêng, thuốc riêng cho hạng quan trọng nhất, hạng quan trọng vừa vừa, kém quan trọng; thức ăn cũng tùy hạng mà phân phối...

Simon Leys trong cuốn *Ombres Chinoises* (Union générale d'éditions - Paris - 1977) báo thời *Xuân Thu*

(thế kỷ thứ VI tr. TL) theo sách *Tả truyện*, Trung Hoa. chỉ có 10 giai cấp, mà thời nay ở Trung Hoa. có tới 30 giai cấp (trente classes), mỗi giai cấp có những đặc quyền riêng. Chế độ đó có từ 1956.

Khi tiếp khách ngoại quốc, các cán bộ của Mao hỏi tỉ mỉ về chức vụ, địa vị của mỗi người khách để họ quyết định phải phái ai tiếp cho xứng, tiếp cách nào.... và khi in hình đăng báo thì phải tính xem hình sẽ lớn nhỏ ra sao, có những nhân viên nào đăng chức tước và tên các nhân viên đó theo thứ tự nào v.v... Rắc rối vô cùng. Âu Mi đâu có chú ý tới điều đó, nhưng ở Trung Hoa nhân viên nào coi về nghi lễ mà sơ suất trong việc đó thì có thể bị "chỉnh" gặt gao, "kỷ luật" nữa.

Chưa thể có bình đẳng được, và trong khi làm cách mạng để tiến tới bình đẳng, thì phải bất bình đẳng hơn thời phong kiến nữa. Có vậy kẻ dưới mới sợ người trên. Vả lại sức sản xuất còn kém, nước còn nghèo thì không thể nào cho mọi người hưởng thụ như nhau được. Phân phối theo 30 giai cấp như Trung Hoa. chính là "công bình" đấy, công bình như lối chia thịt của Trần Bình đời Hán. <sup>(1)</sup> Các nhà cầm quyền Trung Hoa. rất thuộc sử.

Chi li quá, nhưng một xã hội mà được thật công bình như vậy, không có đấu tranh mà chỉ có ganh đua thì cũng là một xã hội tốt rồi.

(1) Trần Bình thời hàn vi, làm tên mô, giữ việc chia thịt trong làng, được mọi người khen là khéo : hương chức cao thì được phần lớn, nhỏ được phần nhỏ, không ai kêu ca. Trần Bình bảo : Bình tôi mà được giúp nước thì cũng như vậy không khó gì. Sau giúp Hán Cao Tổ, rồi làm tới tể tướng

### Cán bộ :

Trung Hoa đã nhiều lần ở đời Hán, Tống, cả đời Thanh nữa, (Thái Bình Thiên quốc) làm những cuộc cách mạng gần như cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhưng đều thất bại do nhiều nguyên nhân, thiếu ý thức hệ, thiếu tổ chức, thiếu phương tiện thông tin, chuyên chở..., quan trọng nhất là thiếu cán bộ.

Năm 1949, khi đã chiếm hết non sông rồi, Mao phải đào tạo thật gấp rất nhiều cán bộ. Ở các thành phố, họ có sẵn một số cán bộ phiến động, tuyên truyền ở các xưởng, các trường, còn ở thôn quê họ phải dùng những thanh niên có khi rất trẻ, dạy gấp trong vài tháng, năm sáu tháng tại các trường : "Đại học cách mạng"; bọn đó không cần không hiểu lý thuyết, miễn can đảm, siêng năng, hăng hái, tận tâm, tin ở tương lai, ở Đảng là được rồi.

Người ta tung mấy trăm ngàn cán bộ như vậy vào thôn quê để dạy dân, sách động, tuyên truyền. Về ý thức hệ, họ chỉ biết lặp lại một số từ ngữ : Xã hội chủ nghĩa, đấu tranh giai cấp, phản phong, phản đế, lao động là vinh quang... mà họ không hiểu hết ý nghĩa.

Nhiệm vụ đầu tiên của họ là tạo một không khí sôi nổi, lập hội để dân nghèo, đòi hỏi công bằng xã hội, nhận định được đâu là kẻ thù, rồi phát lòng căm thù. Họ đi từng nhà, sống với dân nghèo, giúp đỡ dân trong công việc đồng áng.

Họ nói, nói suốt ngày, để nhồi vào đầu óc dân những từ ngữ mới, những tư tưởng cách mạng; tổ chức các hội hè, có vũ, hát; thu thuế, quyền tiền... Còn trẻ quá, thiếu kinh nghiệm, lại tự cao, tự phụ, họ nhiều khi lầm lẫn, làm sai đường lối của Đảng, nhưng Đảng

tha thứ cho hết, miễn là họ trung thành, rút họ về thị xã cho học thêm một khóa bổ túc; cùng lắm thì bắt họ tự kiểm thảo trước nhân dân.

Làm việc trong ít năm, nếu họ tỏ ra đặc lực thì được vô Đảng, với một số điều kiện dưới đây :

- Quyết tâm hi sinh đời mình cho cách mạng;
- Chấp nhận kỷ luật của Đảng, Đảng sai làm gì cũng phải làm;
- Chí công, vô tư, nghĩa là đặt quyền lợi của nhân dân *tức của Đảng*, trên quyền lợi cá nhân;
- Tự kiểm thảo và để cho đồng chí kiểm thảo;
- Học thêm để hiểu học thuyết Mác-Lê và tư tưởng Mao Trạch Đông....

Đảng nhờ thống nhất, đoàn kết mà sống được, vì vậy như trên tôi đã nói, thiếu số phải triệt để phục tùng đa số. Đảng hội họp rất thường để cùng nhau quyết định đường lối. Nguyên tắc rất tốt, nhưng lần lần nhược điểm xuất hiện : cả những việc nhỏ nhất, người ta cũng không dám lãnh trách nhiệm, cũng họp nhau để bàn rồi lấy đa số, do đó công việc tiến rất chậm, mất thì giờ của mọi người và nhiều người chán nản, nói cho xuôi để có đa số mà mau chấm dứt buổi họp.

Thêm nhược điểm này nữa : một chính quyền độc tài, muốn có đa số thì rất dễ (coi vụ Cách mạng văn hóa ở sau), đa số đó không có ý nghĩa gì cả, mà rốt cuộc đa số phải phục tùng thiểu số, trái hẳn với nguyên tắc.

#### **Hiến pháp 1954.**

Quốc hội họp năm 1954 ở Bắc Kinh gồm 1.226 đại

biểu của toàn quốc (25 tỉnh : 18 tỉnh Trung Hoa với các tỉnh Nội Mong tự trị, Tây Tạng...) có cả đại biểu các dân tộc thiểu số, đại biểu Hoa kiều hải ngoại nữa.

Họ họp để phê chuẩn Hiến pháp. Hiến pháp năm 1954 có lẽ là hiến pháp thứ 10 của Trung Hoa từ năm 1911, nhưng các hiến pháp trước chỉ có trên giấy tờ, không được thi hành, hoặc chỉ được thi hành trong một thời gian ngắn mà cũng không được quốc dân thừa nhận. Đảng cộng sản TH cho rằng chỉ có Hiến pháp 1954 của họ là quan trọng nhất, thực sự là hiến pháp được "toàn dân chấp nhận".

. Đoạn mở đầu tuyên bố đã thắng đế quốc, phong kiến; tin tưởng sẽ diệt được sự bóc lột và sự nghèo khổ, và sẽ giữ tình thân hữu bất diệt với Liên Xô (nhưng chỉ bảy tám năm sau, tình đó đã tiêu tan).

. Đoạn về các hình thức phương tiện (mình gọi là thành phần) sản xuất, hiến pháp ghi : Có tài sản quốc gia, tức tài sản công cộng; tài sản hợp tác xã, tức tài sản chung của lao động; tài sản riêng của cá nhân lao động; tài sản tư bản.

Vậy là có 4 thành phần; về thành phần cuối, tôi muốn được biết thêm chi tiết, nhưng không kiếm được tài liệu.

. Quốc hội dân bầu, theo lý thuyết, có quyền tối cao, nhưng trong thực tế, chỉ xác nhận những quyết định mà Đảng đã đề nghị với Quốc hội thôi.

. Điều này dễ hiểu. Giai cấp vô sản (có thể nói là toàn dân) đã trao quyền lãnh đạo cho Đảng, thì Đảng quyết định hết, Quốc hội không thể có quyền quyết định được, chỉ là một hình thức cho có vẻ dân chủ thôi.

Quốc hội mỗi năm chỉ họp một lần, nhưng bầu một

Ủy ban thường trực có quyền tuyên bố chiến tranh khi Quốc hội không họp.

Chủ tịch Quốc hội đầu tiên là Lưu Thiếu Kỳ với 13 phó chủ tịch, trong số này có bà Tôn Văn và Đạt Lai Lạt Ma (Tây Tạng).

Ủy ban thường trực “trùm lên” hội đồng Bộ trưởng.

Trung Hoa khác Nga ở điểm có thêm một chủ tịch Hội đồng quốc gia (như tổng thống tại các nước Tây phương) và không có chế độ liên bang.

Có tòa án tối cao của nhân dân, lại có viện Kiểm sát tối cao của nhân dân,<sup>1</sup> nhưng không có bộ luật. Vì luật pháp thay đổi hoài tùy theo chính sách của Đảng, có khi tùy theo từng miền nữa, không thể lập thành pháp điển được. Nga mấy năm trước đây (khoảng 60 năm sau Cách mạng 1917) mới có bộ luật, Trung Hoa hiện nay chắc vẫn chưa có; Việt Nam ta thì mới dự định thảo một bộ luật.

Ở Trung Hoa cũng như ở mọi nước xã hội chủ nghĩa, chỉ có một đảng, đảng Cộng sản, được cầm quyền; các đảng khác như Quốc Dân đảng, Dân Chủ đảng... tuy có danh mà không có thực. Không có đảng đối lập.

Tóm lại, Đảng và chính quyền móc với nhau rất chặt chẽ, đều bị một nhóm người chỉ huy; nhóm người này nắm hết các chức chủ tịch Đại hội đảng, Ủy ban trung ương, bộ Chính trị, đó là về phía Đảng, còn về phía chính quyền thì nắm hết các chức chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng Quốc gia, hội đồng Bộ trưởng, Quốc hội, hội đồng Quốc phòng v.v..

(1) Tôi không rõ họ có viện Thanh tra tối cao như ta không.

Ở các cấp dưới cũng vậy : Một đảng viên vừa làm thư kí đảng, vừa làm chủ tịch ủy ban nhân dân, vừa làm tư lệnh quân khu...

Người nào không ưa chế độ thì chê nó là một bộ máy gồm nhiều bánh xe lớn nhỏ, hết thấy đều quay một lượt nhờ một cái moay-ơ (moyeu : trái thơm) rất nhỏ. Người nào ưa chế độ thì bảo những đảng nhỏ (như Quốc Dân đảng, Dân Chủ đảng...) vẫn có một chút ảnh hưởng... Nhưng ai cũng phải nhận rằng bộ máy đó chạy rất tốt : lắp xong nó rồi thì các đảng viên chủ chốt nắm chặt được toàn dân, miễn là Đảng phải đoàn kết. Khi có sự chia rẽ trong Đảng (coi vụ Cách mạng Văn hóa ở sau) thì nước loạn.

Từ thời nào tới giờ, một nhà độc tài chỉ cần có một nhóm sáu bảy người tay chân, thật trung tín; nhóm đó lại có sáu bảy chục tay chân; bọn sáu bảy chục tay chân này lại sai bảo sáu bảy trăm kẻ được chủ chia cho những quyền lợi nào đó... cứ như vậy, lần lần xuống đến hàng cùng ngõ hẻm, và rốt cuộc có hàng triệu kẻ làm tay sai cho một nhà độc tài, mà hàng chục hàng trăm triệu dân phải cúi đầu tuân lệnh.

Di nhiên nhà độc tài phải cho bọn tay sai từ cao tới thấp đó được hưởng những quyền lợi nhiều ít tùy địa vị, chức vụ, như vậy họ mới trung thành.

Nhà cầm quyền cộng sản Trung Hoa phân chia ra ba chục giai cấp quyền lợi khác nhau, quả là sáng suốt.

Nhưng cũng phải làm được gì cho dân nhờ, ít nhất cũng phải lo cho dân đủ ăn đủ mặc thì cái ngòi của mình mới vững được. Gương của Tưởng Giới Thạch còn đó. Trung Hoa có một câu rất hay : Dân như nước, nhà

cầm quyền như chiếc thuyền. Nước đỡ thuyền, nhưng cũng lật úp được thuyền.

Nhà cầm quyền Trung Hoa hiểu điều đó nên khi dân bị ép quá muốn bùng lên thì họ sửa sai liền. "Mềm nắn rắn buông" đó là nghệ thuật cầm quyền.

#### **Các nhà chỉ huy - Mao và đồng chí :**

*Mao Trạch Đông.* (Coi lại những trang trên).

Trong cuộc Trường hành năm 1935, Mao tỏ ra bình tĩnh, cương quyết, kiên trì, có tư cách một nhà lãnh đạo và được đồng chí nhận là thủ lĩnh, nhưng vẫn có một số người chống đối đường lối của ông, mãi đến 1945 ông mới hoàn toàn thắng hẳn.

Bà vợ thứ nhì con thầy học của ông, bị Quốc Dân đảng giết năm 1938, ông cưới người thứ ba, bà này sau qua Nga ở; ông cưới người thứ tư, một đào hát tuồng và hát bóng ở Thượng Hải, bỏ nghề, theo Đảng từ năm 1933, để "đóng trò cho nhân dân coi" ở Diên An. Bà này hiện nay còn sống.<sup>(1)</sup>

Suốt đời, Mao chỉ ra khỏi nước có hai lần : đều qua Nga. Ông đọc sách Anh cũng dễ dàng như đọc sách Trung Hoa; có óc tò mò, gặp người ngoại quốc nào cũng hỏi về tình hình thế giới.

Mỗi khi qua một giai đoạn mới, ông thảo một diễn văn để vạch đường lối phải theo, cả về chính trị lẫn văn hóa.<sup>(2)</sup> Những diễn văn đó gom lại, in thành một tập dày, người thì không tiếc lời khen (như Brieux), người thì cho là lý thuyết không có gì sâu sắc, chỉ đặc

(1) Sách này tác giả viết năm 1982 nên báo bà Giang Thanh "còn sống".

(2) Như khi mới chiếm trọn Trung Hoa, ông thảo diễn văn "Tân dân chủ".

biệt ở tính cách thực tiễn thôi. Ông cũng làm thơ nữa, thơ luật và nhiều sách dân bài "Tuyệt", ông tả cảnh Hoa Bắc nhìn từ phi cơ xuống, khi ông rời Diên An lại Trùng Khánh để thương thuyết với Tưởng Giới Thạch.

Cho tới khoảng 1960 ông được các đồng chí kính trọng, sau đó, trong "bước nhảy vọt" và vụ "cách mạng văn hóa" ông mới bị chống đối và tình hình ông thay đổi, hóa ra độc tài nham hiểm, tàn bạo, ngoan cố.

*Chu Đức* lớn hơn Mao 6 tuổi, sinh năm 1887, trong một gia đình đại điền chủ ở Hoa Nam. Học hết trung học, ông vô trường vô bị ở Văn Nam, trường này dạy theo phương Tây. Năm 1916 ông chỉ huy một lữ đoàn tấn công Viên Thế Khải, rồi về sống một đời công chức giàu có, với nhiều năng hầu ở Văn Nam. Ngoài thuốc phiện, ông ta còn nghiện đọc sách, nhờ vậy mà hiểu được nhiều vấn đề chính trị và xã hội trong nước.

Khi hiểu rồi, ông quyết tâm theo phong trào mới, đuổi chín cô năng hầu đi, cho mỗi người một số tiền khá lớn để nuôi con, rồi ông lên Thượng Hải, xin gia nhập Quốc Dân đảng. Thấy cai điệu bộ nghiện ngập, già trước tuổi của ông, người ta khinh ông. Ông nhất định cai và cai được, năm 1922 xin gia nhập đảng Cộng Sản, được phái qua Đức học vô bị. Ở Hanovre (Đức) ông thành lập một tổ cộng sản. Chính quyền Đức bắt giam ông hai lần rồi trục xuất ông.

Ông qua Pháp, kết bạn với Chu Ân Lai, rồi qua Nga, năm 1926 về Trung Hoa, được làm ủy viên chính trị trong quân đội, kế đó làm hiệu trưởng trường vô bị Nam Xương, một chi nhánh của trường Hoàng Phố.

Năm 1927, khi Tưởng Giới Thạch thanh trừng đảng

Cộng sản, Chu Đức chống lại Tưởng, cùng với đoàn quân của ông, tiến vào miền Giang Tây - Quảng Đông hùng cứ một phương. Tại đó ông nghiên cứu chiến thuật của Nga để áp dụng vào hoàn cảnh Trung Hoa., thành một trong những lí thuyết gia giỏi nhất về du kích chiến hiện đại. Năm 1931 ông được đảng bầu lên Tổng tư lệnh Hồng quân, và giữ hoài chức đó.

Sống rất giản dị, chỉ huy 2 triệu quân mà không đeo một dấu hiệu nào cả. Trực tính tới mức thô bạo, nhưng lòng rất tốt, được quân đội rất quý.

*Chu Ân Lai* là người Âu hóa nhất trong giới lãnh đạo cộng sản; sanh năm 1898 ở Hoa Nam (Giang Tô) trong một gia đình quan liêu địa chủ, cha làm giáo sư, mẹ rất có kiến thức. Năm 1913, ông vô học trường trung học Thiên Tân, năm 1917 qua Nhật học ở Đại học, hai năm sau trở về Trung Hoa, tiếp tục học nữa. Theo phong trào cách mạng, cưới một nữ sinh viên cũng làm cách mạng. Năm 1919 bị bắt giam.

Năm sau được thả, ông qua Pháp để tiếp tục học, lập ở Paris một chi nhánh của đảng Cộng sản Trung Hoa. Tìm hiểu đời sống thợ thuyền trong các mỏ than ở miền Bắc và miền Khénanie, đi du lịch khắp Tây Âu, qua Anh. Sau bốn năm tiếp xúc với văn minh phương Tây và biết rõ chế độ dân chủ, ông trở về nước năm 1924, dạy ở đại học vô bị Hoàng Phố về chính trị, dưới quyền Tưởng Giới Thạch.

Cùng với Lưu Thiệu Kỳ, Chu tổ chức giai cấp thợ thuyền Thượng Hải, thành công tới mức dùng thợ thuyền không phải đổ một giọt máu mà chiếm được thị trấn đó trước khi quân Tưởng Giới Thạch tới. Khi Tưởng thanh trừng tá phái trong Quốc Dân đảng, ông

bị bắt, trốn thoát, lại Hán Khẩu <sup>(1)</sup> Sau khi cuộc nổi loạn ở Quảng Châu thất bại, ông trốn qua Hương Cảng, lại lập một tổ chức Cộng sản ở đó.

Năm 1928 ông được phái qua Moscou dự Đại hội thứ VI của Đệ tam Quốc tế. Ông ở lại Moscou học trường Đại học Đông Phương. Năm 1931, về nước, hợp tác với Mao ở Giang Tây, cùng với vợ dự cuộc Trường hành như vợ chồng Chu Đức. Năm 1935, ông lại qua Moscou dự Đại hội thứ VII. Trở về Trung Hoa, ông được phái lại Tây An, thuyết phục Trương Học Lương thả Tưởng Giới Thạch. Khi Quốc và Cộng kí hiệp ước thống nhất mặt trận chống Nhật, ông đại diện cho Cộng (tựa như sứ thần của Cộng) ở Nam Kinh, Hán Khẩu, Trùng Khánh, bên cạnh Tưởng Giới Thạch. Chu học rộng, sáng suốt, luôn luôn có thái độ đàng hoàng, nhã nhặn theo Vladimirov (Sách đã dẫn), ông tuy có chủ trương khác Mao, nhưng mềm mỏng, trung thành với Mao, được Mao tin, giữ chức bộ trưởng ngoại giao - có thời làm thủ tướng - cho tới khi chết, không ai thay ông được. Ông được nhiều người quý mến.

*Lưu Thiệu Kỳ* làm phó chủ tịch Bộ Chính trị trung ương của Đảng. Gầy, thấp ăn nói kém, nhưng viết văn hay, cô đọng, mạnh mẽ. Cũng sinh ở Hồ Nam như Mao, học ở Moscou vô đảng năm 1922, hoạt động ở Giang Tây nhưng không dự cuộc Trường hành, mà ở lại hoạt động ngầm tại Bắc Kinh và các thị trấn Hoa Bắc. Năm 1935 tổ chức cuộc bạo động của sinh viên đòi Tưởng phải chống Nhật. Năm 1937 điều khiển Hội lao động toàn quốc. Sau làm tham mưu trưởng trong

(1) André Malraux trong cuốn *La Condition humaine* đã dùng Chu Ân Lai và cuộc đời của Chu để xây dựng nhân vật Kyo.

Tân đệ tứ lộ quân. Được bầu vào Ủy ban Chính trị thường trực trung ương Đảng; lãnh nhiệm vụ rất quan trọng là vạch đường lối, thảo lý thuyết cho Đảng. Trong Bộ Chính trị, ông là người biết rõ nhất về Trung Hoa.

. *Lâm Bưu*. “Vô địch tướng quân” sinh năm 1907 ở Hồ Bắc. Ở trường Hoàng Phố ra, năm 1927 dự cuộc khởi nghĩa ở Nam Xương; 1935 theo cuộc Trường hành; có công đầu trong cuộc nội chiến từ đầu cho tới cuối, từ Mãn Châu tới Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam (1946 - 1949), có tham vọng, tư cách kém.

. *Bành Đức Hoài* cũng tổ chức du kích quân ở Hồ Nam - Giang Tây, rồi theo cuộc Trường hành; đa tài, tư cách cao, uy danh chỉ hơn kém Mao và Chu Đức. Sống giản dị, không ham chức tước, quyền hành, thời nào cũng gần gũi với đại chúng, do đó hiểu được nỗi lầm than, nghe được những lời ta thán của nông dân trong vụ “nhảy vọt” (coi ở sau), dám nói thẳng với Mao, bị Mao ghét.

. *Trần Nghị* sinh năm 1901 ở Tứ Xuyên trong một gia đình quan liêu, năm 1919 qua Pháp theo nhóm sinh viên làm thợ, tổ chức một phân bộ Cộng sản ở Pháp năm 1921 bị trục xuất vì tổ chức vụ sinh viên Trung Hoa biểu tình ở Lyon. Năm 1923 vô đảng, năm 1930 diệt nhóm chống đối Mao, đưa Mao lên làm lãnh tụ. Trong cuộc Trường hành, chiến đấu rất hăng. Năm 1941 chỉ huy Tân đệ tứ lộ quân, trong nội chiến 1947 - 1948 được phong làm thống chế. Năm 1958 làm bộ trưởng Ngoại giao nhưng thiếu kinh nghiệm. Trong cuộc cách mạng văn hóa, bị hồng vệ binh hỏi tội, mất chức bộ trưởng nhưng vẫn còn là ủy viên trung ương của Đảng. Rất được Chu An Lai tin (Theo Simon Leys).

So sánh nhóm thân thích của Tưởng với nhóm đồng chí của Mao, chúng ta thấy hai bên trái ngược hẳn nhau về tư cách, đời sống. Nhóm Mao là những chiến sĩ gan dạ được cách mạng tôi luyện, nằm gai nếm mật với nhau (mặc dầu vậy, sau này họ cũng tìm cách thủ tiêu nhau (coi ch. III tiết C). Trong nhóm thiếu nhà khoa học, nhà kỹ thuật, không thích hợp với thời phát triển kinh tế.

#### *Quân đội.*

Sức mạnh của Cộng sản là quân đội. Lính của Tưởng bị khinh rẻ, ngược đãi một số lớn vì đối rạch phải cướp bóc như 100.000 quân Lư Hán ở Vân Nam mà năm 1945 Tưởng cho qua Bắc Việt để giải giới Nhật thật sự là để Việt Nam nuôi chúng mà chúng không làm loạn. Chúng bắt buộc phải nhập ngũ, không được huấn luyện, không có một lý tưởng gì cả, mà hạng chỉ huy chúng nhất là bọn quân phiệt, thiếu tư cách, tàn nhẫn, nên ngay từ đầu Tưởng ra lệnh phải tôn trọng tài sản của nhân dân, chúng cũng không theo. “Người ta không coi họ là con người thì họ cũng không hành động như con người”.

Trái lại, quân của Mao từ nhân dân mà ra, được Đảng tiêm một lý tưởng cao cả : Giải phóng nhân dân khỏi cái ách phong kiến và đế quốc, được đảng dạy cho cách cư xử với nhân dân - cha mẹ, chị em, anh em của họ - chỉ giúp đỡ nhân dân (cày ruộng, gặt lúa, tát nước, cất nhà...), chứ không lấy của nhân dân một chút gì, dù là một sợi chỉ, một trái cây, cho nên họ có tư cách, được nhân dân quý mến. Đúng như khẩu hiệu của Chu Đức : “Quân đội ở trong nhân dân phải như cá ở trong

nước". Họ chịu cực khổ nhưng không đói. (Hồi ở Diên An mỗi ngày họ được nửa ki lô kê).

Quân đội của Mao chia làm ba hạng :

. Quân chính qui năm 1945 được khoảng 300.000 cuối 1948 được khoảng 1.500.000 lộ quân (tức bộ binh). Mới đầu không có pháo binh, sau chiếm được đại bác, cam nhông của Tưởng (do Mi viện trợ), họ mới lập được vài đội.

. Dân quân là những tổ chức địa phương (nên cũng gọi là địa phương quân), gồm dân tình nguyện trong miền, nhiệm vụ là canh gác, giúp đỡ quân chính qui, diệt các thổ hào. Họ chỉ hoạt động trong miền, tự túc; ngay cả khí giới họ cũng phải tự xoay sở lấy.

. Quân du kích ở những miền có địch (Nhật hay Quốc Dân đảng).

Đa số giải phóng quân là người ở miền Bắc, còn quân Quốc Dân đảng thì đa số ở miền Nam; mà người miền Bắc thường lực lưỡng hơn, can đảm, siêng năng hơn người miền Nam. Khí giới họ ưa nhất là lựu đạn. Những người chỉ huy họ ít khi xuất thân từ một trường võ bị, nhờ chiến đấu mà rút kinh nghiệm, rồi chịu học hỏi thêm, nghiên cứu chiến thuật của Napoléon, Clausewitz, Rommel, Joukov...

Chu Đức nổi tiếng nhất, được quân đội rất trọng, danh vọng uy tín ngang với Mao Trạch Đông.

Cộng sản coi trọng chiến lược (Cách dùng địa thế, dùng người, tương quan lực lượng hai bên...) hơn chiến thuật.

Về phương diện chính trị, Mao và Chu Đức tuyên truyền mạnh để tăng cường tinh thần của mình và tiêu

hao tinh thần của địch; về phương diện quân sự, phải làm suy giảm sức mạnh của địch; cướp được nhiều vũ khí của địch, hoặc làm cho địch đào ngũ nhiều, bắt sống rồi thì tuyên truyền một thời gian, kẻ nào theo thì dùng, không theo thì thả ra, cho tiền, cho gạo nữa chứ không cần giết, vì họ không dám mà cũng không muốn trở về với Tưởng, Tưởng không khi nào dùng lại họ.

Vì vậy mà 80% tù binh xin ở lại phục vụ trong đạo quân giải phóng; họ thấy họ được nông dân không những không khinh rẻ mà còn săn sóc như con, em. Thuật tuyên truyền của cộng thật tuyệt, họ rất hiểu tâm lý dân.

Đó là chiến lược. Về chiến thuật thì cộng sản thay đổi nhiều lần cho thích hợp với khí giới họ có. Họ nghiên cứu cách sử dụng dao găm. Khi địch dùng đại bác, chiến xa, phi cơ thì dao găm không thể chống được địch, nhưng thế nào cũng có lúc địch đi lùnh bớ trong làng xóm, hoặc lúc hai bên đánh xáp lá cà, thì dao găm rất lợi. Rồi khi nào cướp được đại bác, xe tăng của địch thì họ nghiên cứu cách sử dụng những khí giới đó. Tinh thần học hỏi của họ cao, quân của Tưởng ngược lại, rất lười biếng.

Chiến lược của họ là không chiếm đất đai, thị trấn, rồi đóng đồn để giữ. Họ dùng nông thôn bao vây thành thị. Năm 1946 - 1947, Mao đã nhử cho quân của Tưởng vào chiếm Diên An, như trên chúng ta đã biết. Họ rút ra ngoài, đánh du kích. Họ nói : "Địch chiếm được thị trấn nọ, dù không mất một tên lính, nhưng phải dùng 40.000 quân để giữ thị trấn, tức là lực của địch giảm đi 40.000 người, nếu khi chiếm, địch thiệt hại 30.000

người thì trước sau chúng ta bắt đi được 30.000 + 40.000 = 70.000 quân địch. Rồi chúng còn phải dùng binh và xe cộ để tiếp tế, chúng ta lại được dịp phục kích, chiếm được khí giới, quân nhu. Chúng bị nhốt trong đồn, lâu sẽ chán nản, ở ngoài ta tuyên truyền, chúng mất tinh thần, lúc đó tấn công thắng chúng dễ dàng hơn là ở ngoài mặt trận”.

Hai loại chiến tranh khác nhau bằng giải phóng và bình định. Chiến lược đó rất lợi hại, Việt Minh đã theo Mao mà thắng được Pháp, Mĩ, điều đó dễ hiểu. Chỉ có điều này khó hiểu : Pháp, Mĩ sao không rút được kinh nghiệm mà cứ dút đầu vào rọ hoai.

Một chính khách Mĩ bảo : “Chiến tranh du kích lâu mà không bại, tức là thắng đấy”. Số quân của Tưởng giảm đi, khí giới của Tưởng cũng giảm đi, càng ngày tương quan lực lượng giữa hai bên càng bất lợi cho Tưởng; lúc đó (1948) là lúc Mao đại tấn công và Tưởng sụp rất mau.

Trong tập “Tình thế hiện tại và nhiệm vụ của chúng ta” viết cuối năm 1947, Mao đưa ra vài qui tắc (chắc do kinh nghiệm của Chu Đức), dưới đây tôi trích vài điểm :

. *Đánh những nhóm nhỏ, rải rác của địch trước, rồi sau hãy đánh những nhóm mạnh.*

. *Mục tiêu quan trọng nhất là làm tiêu ma sức chiến đấu của địch, chứ không phải là chiếm thị trấn...*

. *Trong mỗi trận, phải tập trung sức của mình cho mạnh gấp bốn, hoặc năm, sáu sức của địch. Bao vây chúng rồi diệt, không cho một tên thoát ra được.*

. *Tránh những trận kéo dài, làm hao mòn sức của mình.*

. *Phải chuẩn bị kỹ, hễ không chiến thắng thì đừng đánh.*

Những điều đó không mới mẻ gì, chỉ là lương tri (bon sens) thôi; nhờ chịu kiên nhẫn áp dụng thật đúng mà quân của Mao thắng được quân của Tưởng.

Nhưng dân quân không phải chỉ có mỗi nhiệm vụ chiến đấu mà thôi; khi không cầm súng, họ còn nhiệm vụ :

Chính trị Giảng cho nông dân nhận định thân phận của mình thời trước và trách nhiệm của mỗi người trong thời này; hiểu được đường lối của đảng biết kẻ thù của đảng là ai....

Và Kinh tế giúp nông dân sản xuất, cải thiện phương pháp canh tác....

Sau năm 1949, khi hết nội chiến, chính quân đội phải làm những công trình kiến thiết lớn : sửa đê, thủy lợi, xây cầu, xây đường, xây nhà máy, và sản xuất trong nhà máy nữa.

Từ 1950, nhất là từ sau chiến tranh Triều Tiên, Hồng quân không còn là một quân đội thực sự nhân dân nữa, từ cách tuyển lính tới cách chiến đấu, sự kết hợp chặt chẽ với nhân dân, không phải như “con cá trong nước” nữa. Không phải là tự nguyện quân mà là trung binh; có quân phục, dấu hiệu để phân biệt cấp bậc, có khí giới tối tân như quân đội mọi nước khác.

Theo luật 1955, đàn ông từ 18 đến 40 tuổi phải làm nghĩa vụ quân sự 3 năm trong lục quân, 4 năm trong không quân, 5 năm trong hải quân; như vậy mỗi năm có từ 5 tới 6 triệu người đúng tuổi trưng binh và trong thời bình, Trung Quốc phải nuôi 15 triệu quân, nhưng sự thực thì chính phủ chỉ gọi khoảng 1 triệu

người và cả lục, không, hải quân có khoảng từ 3 tới 4 triệu người.

Sau chiến tranh Triều Tiên, lục quân đã được tổ chức lại theo Nga, gồm khoảng 2.500.000 người, giỏi chiến đấu, dai sức, quen chịu cực, can đảm, kiên nhẫn.

Không quân Trung Hoa lớn nhất châu Á, gồm 2.500 phi cơ chiến đấu, nhiều kiểu tối tân.

Hải Quân còn yếu, không đáng kể.

Nhưng lực lượng dân quân (milice) thì rất đông và mạnh; làng nào cũng có ít nhất một đại đội (ta nên nhớ làng Trung Hoa lớn bằng một huyện, hay hơn của ta). Toàn quốc có từ 20 tới 25 triệu dân quân. Nếu có chiến tranh thì 25 triệu quân đó thành 25 triệu lính trừ bị. Họ được học tập về chính trị.

Mặc dù quân đội vẫn rất trung với Đảng, rất ái quốc, nhưng cũng phải nhận rằng đã có hai xu hướng: xu hướng thành một uy lực, một quyền thế trong quốc gia, và xu hướng tách rời quần chúng. Các cấp tham mưu và các kĩ thuật gia trong quân đội đã bớt quan tâm tới chính trị.

Còn chiến tranh thì quân đội còn mạnh. Hòa bình lâu quá thì thế nào tinh thần quân đội cũng nhụt đi. Có lẽ vì vậy mà nước Cộng sản nào cũng gây trong dân chúng cảm tưởng rằng tình hình thế giới bất ổn, để dân phải chuẩn bị, đề phòng. Mà sự thực, thế giới từ ba bốn chục năm nay rất bất ổn, vì sự tranh chấp giữa tư bản và cộng sản. Nhưng không nước nào dám nuôi cái mộng chiếm Trung Hoa, nó mệnh mông quá, dân số hiện nay được một tỉ, một phần năm nhân số trên thế giới rồi; nhất là nguyên tử lực của nó vào

hàng ba, chỉ kém Mi, Nga; rồi đây thế nào nó cũng có những khí giới mà sức tàn phá tới mức tuyệt đối nhất.

## **B. GIAI ĐOẠN TÂN DÂN CHỦ (1949 - 1952)**

### **Nét căn bản của Tân dân chủ**

Từ ngày thành lập 1 - 10 - 1949 tới cuối năm 1952, chính phủ Cộng Hòa nhân dân Trung Hoa cương quyết nhưng thận trọng bắt tay ngay vào việc kiến thiết lại quốc gia sau non bốn chục năm loạn lạc. Mao phải chịu một gánh nặng hơn Tưởng 20 năm trước. Ruộng đất nhiều nơi bỏ hoang, những miền phong phú bị Nhật tàn phá, đồng Viên mất giá mà vàng trong nước thoát ra nước ngoài rất nhiều.

Nhà cầm quyền cộng sản vừa đã phá những cái cũ, diệt sự chống đối của bọn phong kiến, đế quốc, tư bản; vừa tạo cho dân chúng một ý thức hệ mới, một tinh thần mới; không còn quan niệm cũ về gia đình, xã hội nữa mà thành một người mới.

Họ hy vọng tới năm 1953 thì xong giai đoạn đầu đó, mà họ gọi là giai đoạn *Tân dân chủ*, để qua giai đoạn sau phát triển mạnh về kinh tế, về kĩ thuật nặng, như Nga Xô, không còn tư bản về nông nghiệp, thương nghiệp, công nghiệp nữa, giai đoạn này là giai đoạn xã hội chủ nghĩa, giai đoạn mà sản xuất nào cũng có tính chất tập thể.

Giai đoạn Tân dân chủ có hai nét căn bản; thống nhất và nhân dân chuyên chính. Gọi nó là Tân dân chủ vì nó là một thứ cách mạng tiểu tư sản kiểu mới, chưa phải là cách mạng vô sản, giai cấp vô sản chuyên

chính. Hai giai cấp vô sản và nông dân liên kết với nhau để lãnh đạo; giai cấp tiểu tư sản và tư sản yêu nước, tiến bộ cũng được tham dự, chỉ loại bỏ bọn phản quốc, phản dân thôi. Vậy là có bốn giai cấp đoàn kết, cộng tác, cho nên gọi là thống nhất, là tân dân chủ, nhân dân làm chủ.

Nhưng dân chủ không có nghĩa là không có chuyên chính. Phải chuyên chính để diệt những thành phần phản dân, chống đối nhân dân : bọn làm tội tớ cho đế quốc, bọn địa chủ, bọn tư bản mại bản...

Theo Mao Trạch Đông “dân chủ” còn có nghĩa là chỉ dùng cách thuyết phục chứ không bắt buộc, không cưỡng ép. Chỉ trong những trường hợp nặng lắm mới bắt giam hoặc giết; và kẻ nào biết sửa lỗi thì được tha thứ và thu dụng.

Đó là lí thuyết thì như vậy. Nó khác với dân chủ đại nghị của Tây phương mà Tưởng Giới Thạch đã theo; cũng khác với dân chủ của chủ nghĩa xã hội từ 1953.

\*  
\* \*

Năm 1949 Mao mới chỉ kịp thành lập chính quyền mới và chiếm trọn đất đai, chấm dứt nội chiến.

Năm 1950 đã bắt đầu có nhiều thay đổi, và vài biến cố quan trọng.

Ở trong nước, có nhiều cải cách hành chánh, luật pháp; về kinh tế vật giá được bình lại, chính phủ phát hành một thứ tiền mới khá vững (chúng ta nhớ lại : năm 1949, đồng kim viên của Quốc Dân đảng mất giá

kinh khủng), gọi là “jen-min-p’iao”, tôi đoán là nhân dân phiếu. Nhưng phải đợi đến tháng hai năm 1955 mới có đồng viên : một viên ăn 10.000 jen-min-p’iao. Đồng viên in bằng bốn thứ chữ : Trung Hoa, Tây Tạng, Mông Cổ và Hồi Hột (Ouighour).

Quan trọng nhất là vụ cải cách điền địa, tháng 6 - 1950. Chính quyền cộng sản đã có nhiều kinh nghiệm hồi còn trốn ở miền rừng núi Giang Tây (1930 - 1934), hồi ở Diên An (sau 1935), hồi ở Hoa Bắc khi chiếm được đất của Quốc Dân đảng (1946 - 1948), nên có thể thi hành ngay được ở toàn quốc, để giữ lời hứa với nông dân, nhất là để nâng cao ý thức và tinh thần cách mạng của dân hầu mau tiến tới giai đoạn xã hội chủ nghĩa.

Việc đầu tiên là hạ địa tô từ 50% có khi 70% xuống còn 35% là tối đa : hạ lợi suất từ 30, 50 có khi 100% mỗi năm xuống 10% chính quyền chỉ bắt giới tiểu nông một số thuế trung bình là 5%, bản cổ nông thì khỏi đóng còn địa chủ thì đóng tối đa là 30%.

Xin đọc giả lưu ý : những con số kể trên và tất cả những điều chép dưới đây đều là theo những luật lệ và báo cáo chính thức.

Việc cải cách đó có kết quả tốt, vì không nạn tham nhũng như thời dân chủ. Chúng ta còn nhớ các triều đại thời trước định trước số thuế cho mỗi tỉnh. Viên tổng đốc hoặc tuần phủ có toàn quyền chia cho mỗi châu quận phải góp bao nhiêu đó, triều đình không cần biết miền là nọp đủ cho triều đình thì thôi. Dĩ nhiên, tỉnh tăng số thuế lên một chút, quận cũng vậy... xuống tới làng; nhân viên thu thuế từ dưới lên trên lại ăn chặn của dân (chính sách đó nước Pháp thời xưa cũng dùng

và bọn thu thuế - *fermiers généraux* - bị dân chúng ghét lăm; rồi thời cai trị nước ta cũng lại dùng nữa gây biết bao lời ta thán trong dân); rồi cuộc dân phải nộp thuế gấp hai, gấp năm lần số triều đình ấn định cho mỗi tỉnh.

Chính quyền cộng sản bỏ bọn trung gian đó đi, việc thu thuế do ủy ba nhân dân làng, huyện, tỉnh kiểm soát, nên dân rất hài lòng (theo báo cáo của chính quyền).

Tới việc chia đất cho dân cày, dẹp bọn đại điền chủ để không còn tình trạng kẻ không làm ruộng thì có hàng vạn mẫu, còn kẻ làm ruộng lại không có lấy một thước đất. Ngay từ thời Xuân Thu, Khổng Tử đã bảo phải làm cho tài sản được quân bình; và trẻ nhất là từ đời Đường, triều đại nào mới thống nhất được quốc gia cũng lưu tâm ngay tới vấn đề đó. Nhưng không thời nào thực hiện được triệt để một cách lâu dài, vì không nỡ hay không dám triệt giai cấp đại quan liêu, đại địa chủ, và tình trạng bất quân cảng ngày càng đáng lo hơn.

Sau cách mạng Tân Hợi, Tôn Văn đã nhấn mạnh vào vấn đề dân sinh, ra lệnh phải chia đất cho dân cày, nhưng Tưởng Giới Thạch không thi hành ngay, mà khi thi hành thì lại chỉ có hình thức thôi.

Mao Trạch Đông trái lại, ngay từ khi lập chiến khu ở Giang Tây, rồi khi lên Thiểm Tây, đã thực hành việc chia đất một cách có phương pháp, quyết liệt, nên thành công.

Người ta phân biệt hạng địa chủ phú nông, trung nông, bần nông và hạng không có đất, phải làm mướn. Ba hạng dưới chỉ có từ 20 đến 30% số đất cày, còn

70% về hạng địa chủ và phú nông. Người ta tịch thu đất của bọn phản quốc, bọn địa chủ, lấy bớt đất của bọn phú nông chia cho hạng nghèo. Trong giai đoạn này bọn phú nông vẫn được một phần tài sản.

Cuộc chia lại đất đó làm tăng sức sản xuất lên được 5 - 6%, nhưng vì đất ít, dân đông, cho nên mỗi nông dân chỉ được ba mẫu Trung Hoa, khoảng 2.000 thước vuông (2 công ở Nam Việt), nên mức sống của họ không cải thiện được bao nhiêu.

Cải cách điền địa, ngoài mục đích kinh tế đó ra, còn một mục đích quan trọng hơn là đấu tranh giai cấp để tiến tới xã hội chủ nghĩa.

Cán bộ phải đi về mỗi làng, sống với dân nghèo, tìm hiểu tình hình trong làng, thuyết phục nông dân "tổ khổ" điền chủ. Từ mấy ngàn năm, nông dân vẫn cúi đầu trước bọn địa chủ, bọn cường hào, nay bảo họ tổ khổ bọn đó thì họ sợ - sợ nếu sau có việc gì thay đổi thì họ sẽ bị quật lại - nên cán bộ phải giảng giải cho họ, rồi chỉ cho họ cách tổ khổ.

Tuy chính quyền tuyên bố rằng chỉ dùng cách thuyết phục, chứ không dùng sức mạnh, nghĩa là bọn địa chủ nào chịu tuân phép nước thì để yên cho họ sống, nhưng chính phủ cũng mong dân hăng hái đấu tranh giai cấp, hăng hái diệt giai cấp địa chủ (như vậy nhẹ bớt việc cho chính phủ); mà một khi cán bộ đã gây được cam thù giai cấp trong lòng dân thì làm sao tránh được những cuộc đổ máu khủng khiếp, dù chính quyền có muốn ngăn cũng không sao ngăn được. Ai đã đọc những tiểu thuyết của Emile Zola, đọc cuốn *Psycho*

*logie de la foule (Tâm lí quần chúng)* của Gustave Le Bon, tất hiểu điều đó.

Lucien Bianco, trong cuốn *Le Origines de la révolution chinoise*, kể vụ một địa chủ nọ ở miền Hoa Bắc bị nông dân cầm đinh ba, búa, dao dẫn từ làng nọ qua làng kia, sỉ vả, chửi rửa rồi xẻ thịt ra chia nhau. Họ hăng say, hoan hỉ chém giết, có khi chôn sống cả một gia đình địa chủ, địa chủ nào còn ló đầu lên khỏi mặt đất thì họ cầm leng, cuốc đập lên đầu. <sup>(1)</sup>

Một cải cách nữa quan trọng ngang với cuộc cải cách điền địa là *luật hôn nhân* tháng 4 năm 1950; nó chẳng phải chỉ giải thoát cá nhân của phụ nữ mà còn thay đổi hoàn toàn quan niệm về gia đình truyền thống, thay đổi cả xã hội nữa, vì như Lénine đã nói, phụ nữ hề còn quanh quẩn trong nhà, lo những việc nhỏ mọn : lo cơm nước săn sóc chồng con, giặt giũ, thì còn là nô lệ, phí thì giờ, phí sức đi, họ phải cùng với đàn ông sản xuất cho xã hội thì mới ngang hàng với đàn ông được. Thực sự là cộng sản thì phải giải thoát phụ nữ trước hết.

Công việc giải thoát đó làm cho số người lao động Trung Hoa tăng lên rất mau; năm 1959 số phụ nữ lao động bằng 5/6 số đàn ông. Kết quả được như vậy nhờ có những cơ quan lo việc ăn uống, giữ trẻ, may vá cho họ. Lí thuyết thì như vậy, sự thực thì các ông già bà cả phải trông nom con cháu không muốn gởi chúng

cho nhà trẻ vì tính gia đình vẫn còn mạnh do truyền thống của đạo Khổng.

Theo luật mới, chế độ một vợ một chồng hóa bắt buộc, vợ chồng hoàn toàn bình đẳng, sự li dị rất dễ dàng về sau có nhiều vụ li dị quá, chính quyền tìm cách hạn chế lại, trai gái được tự do kết hôn, do cơ quan (nơi họ làm việc) thu xếp cho, nhưng cũng có trường hợp phải được cơ quan cho phép mới được kết hôn. Chẳng hạn cán bộ, quân nhân không được kết hôn với người theo Ki tô giáo, Đạo giáo.

Ở đâu cũng có những cán bộ quá siêng, áp dụng luật một cách gay gắt, gây nhiều bị kịch; họ bắt những người thiếp đã có con với chồng rồi phải rời khỏi nhà chồng, không nơi nương tựa, nhiều gái điếm đã hoàn lương rồi mà cũng phải vào trại cải tạo, do đó xảy ra nhiều vụ tự tử.

Lương phụ nữ ngang với lương đàn ông. Cha mẹ chồng không có quyền gì với nàng dâu cả, mà ông bà cũng không có quyền gì với cháu nội. Mới đầu người ta chưa khuyến hạn chế sinh đẻ, vì nhà nước còn cần có nhiều dân.

Các hội phụ nữ mở ra ở khắp nơi. Trong khắp nước, người ta tuyên truyền rất mạnh cho đời sống mới của phụ nữ, bằng mọi cách : báo chí, tuồng hát, nghiệp đoàn, tổ chức thanh niên... mỗi năm lại có ngày phụ nữ nữa. Chưa bao giờ phụ nữ được đề cao như vậy. Họ có sung sướng hơn trước không ? Không ai biết chắc được. Có thể bọn thiếu nữ thích chế độ mới hơn.

Chúng tôi nhắc lại rằng từ 1928 Quốc Dân đảng cũng đã ban bố luật nam nữ bình đẳng : đàn bà được bầu cử, ứng cử vào nhiều viện; bỏ luật cũ về việc chồng

(1) Đinh Linh một nữ sĩ ở Diên An, tác giả tiểu thuyết *Thủy dương chiếu tại Tang Can hà thượng* (1948) được giải thưởng Staline, tả nhiều cảnh đấu tố. (Coi *Văn học Trung Quốc hiện đại của tôi* - cuốn II tr. 87 - 90).

được phép đuổi vợ, hề trưởng thành rồi thì có quyền kết hôn với nhau mặc dầu không được phép của cha mẹ... nhưng luật đó chỉ được ban bố trên công báo, nhiều lắm là đăng trên vài tờ nhật báo, dân ít học không biết. Luật chỉ liên quan tới cá nhân, không thành một chính sách xã hội, nên thân phận của tôi đại đa số phụ nữ vẫn không có gì thay đổi.

Trong năm 1950, chính quyền cũng quan tâm tới vấn đề *tôn giáo*. Không có chính sách chung. Đạo Hồi vì có đông tín đồ thiểu số, nên được đãi ngộ khá đặc biệt, Ki tô giáo được khuyến khích thành lập những nhóm văn hóa ái quốc; các nhà truyền giáo ngoại quốc bị nghi kị, tra hỏi, lần lần bỏ về nước họ; các nhà truyền giáo Trung Hoa thay thế họ và có khuynh hướng lập một giáo hội quốc gia tách khỏi giáo hội gốc. Đạo Phật hồi đầu được khoan dung nhưng chính quyền buộc các tăng ni phải sản xuất, tự túc, rồi năm 1953 lập một khối Phật giáo theo đường lối của chính phủ. Duy có Đạo giáo, từ hai ngàn năm trước đã là ổ của hội kín, thì không tha thứ được, bị cấm ngặt. Xét chung thì sự tín ngưỡng của dân Trung Hoa thời đó đã kém rồi; họ không theo hẳn một đạo nào, cho rằng tam giáo (Khổng, Lão, Phật) đồng tôn có đóng cửa Chùa, Điện... họ cũng không buồn lắm.

Chính sách thận trọng kiên nhẫn đó đối với Phật giáo thực khôn khéo. Thời quân chủ, đời Đường, Phật giáo đã mấy lần bị cấm, tượng Phật bị nấu chảy để lấy đồng đúc tiền, tăng ni phải hoàn tục, đất đai bị tịch thu, làm cho dân chúng phần uất, mà chỉ trong mấy chục năm qua triều đại sau, Phật giáo lần lần thịnh trở lại, không sao dẹp hẳn được.

Dưới chế độ Cộng sản các hiến pháp đều xác nhận "tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng" nên gia đình cán bộ không được phép có tôn giáo, dân chúng thì lao động suốt ngày, tối về còn học tập, hội họp, không có thì giờ rảnh để tới chùa, vá lại kiếm chỉ vừa đủ ăn, nếu không thiếu, lấy đâu mà cung cấp cho các chùa, cho nên chẳng cần phải cấm gát, lần lần tôn giáo nào cũng phải suy, chùa chiền, giáo đường cũng vắng hoe, tín đồ cũng giảm dần dần.

Sau cách mạng văn hóa 1965 - 1969 (coi ở sau), ở Trung Hoa gần như không còn tôn giáo nữa. Alain Peyrefitte, tác giả cuốn *Quand la Chine s'éveilla* (Fayard 1973), năm 1973 cầm đầu một phái đoàn ngoại giao Pháp qua Trung Hoa, được tiếp đãi niềm nở, nhưng may lần xin chính quyền Bắc Kinh, Tây An, Thượng Hải, Quảng Châu tổ chức một buổi lễ tại giáo đường Công giáo cho nhân viên phái đoàn mà đều bị từ chối hết vì lễ này lễ khác; nơi thì giáo đường đương sửa lại, nơi thì giáo đường bị bọn vệ binh đỏ phá rồi. Tác giả có cảm tưởng rằng không có linh mục, mục sư nào được phép làm lễ cả. Ở kinh đô và các thị trấn lớn, người ngoại quốc lui tới nhiều mà còn vậy, huống hồ là ở các nơi khác.

Etiemble viết cuốn *Connaissions nous la Chine ?* (Gallimard 1964) trước Cách mạng Văn hóa, chắc chẳng biết sự thực ra sao, nên khen Cộng sản Trung Hoa rất khoan dung với các tôn giáo. Còn việc thờ phụng tổ tiên, tôi không thấy sách nào nói tới, nhưng tôi đoán cũng như ở Việt Nam lúc này : cán bộ có nhớ ngày giỗ cha mẹ thì bằng mấy hoa quả rồi đứng mặc niệm vài phút chứ không cúng kiếng gì hết.

*Ngoại giao về phía Nga* tốt đẹp. Nga kí hiệp ước 2 - 1950, hứa bảo đảm cho Trung Hoa về ngoại xâm, nhưng van chiếm hai hải cảng Đại Liên và Lữ Thuận; về kinh tế, Nga cho Trung Hoa vay 300 triệu Mĩ kim, nhưng với điều kiện là Nga Hoa lập chung với nhau nhiều công ty ở Tân Cương và Mãn Châu (điều này gay nhiều rắc rối về sau), và hai bên cùng quản lý chung đường xe lửa Trường Xuân. Trong mấy năm sau Trung Hoa cởi được những bó buộc đó; năm 1952 đường xe lửa trên trở về Trung Hoa; năm 1954, các công ty Nga Hoa bị giải tán; năm 1955 quân đội Nga rút khỏi Đại Liên và Lữ Thuận.

Năm 1950, Trung Hoa bắt đầu giúp Việt Nam Dân chủ cộng trong việc chống Pháp; tiếp tế cho ít lương thực, khí giới, huấn luyện cho một số quân ở gần biên giới Việt Hoa.

Quan trọng nhất là *chiến tranh Triều Tiên*.

Triều Tiên bị Nhật chiếm từ 1910, nhưng cũng như Mãn Châu được Nhật kiến thiết cho khá nhiều, mặc dù cái ách Nhật cũng nặng lắm. Sau thế chiến, Triều Tiên cũng như Việt Nam là một nước rất thống nhất về dân tộc, đất đai, ngôn ngữ, lại văn minh nữa, tuy rất nghèo, mà bị Nga và Mĩ cắt làm hai theo vĩ tuyến 38 (hội nghị Potsdam), Nga giải giới Nhật ở Bắc, Mĩ ở Nam vĩ tuyến, rồi chia nhau chiếm luôn Triều Tiên.

Bỗng nhiên năm 1950 chiến tranh nổ giữa Bắc và Nam. Ngày nay người ta gần như chắc chắn rằng tại Bắc Triều Tiên thấy quân Mĩ ở Nam Triều Tiên rút về nước gần hết. Không đề phòng gì cả, nên tấn công sau khi hỏi ý kiến Nga.

Theo Guillerma (La Chine populaire) và Lévy (La

Chine) thì Trung Hoa mới đầu (6 - 1950) ngạc nhiên, không muốn dự vào chiến tranh đó, năm tháng sau bị Nga bắt buộc đem chí nguyện quân qua giúp Bắc Triều Tiên, làm quân tốt thí cho Nga (faire pion aux Russes). Vậy là Mao phải cho ngưng việc giải ngũ, kêu gọi nhiều cán bộ trẻ mà Mao tính dùng vào việc kĩ nghệ hóa quốc gia.

Tổng thống Truman ép Hội đồng Bảo An của Liên Hiệp quốc can thiệp (nhằm lúc Nga tẩy chay Hội đồng Bảo An để phản đối vụ Tướng Giơri Thạch đã mất lục địa rồi mà vẫn còn có chân trong Hội đồng). Chỉ có một số nhỏ nể Mĩ, đưa một số quân tượng trưng qua Nam Triều Tiên, chính Mĩ gánh phần nặng nhất.

Chiến tranh rất ác liệt, mới đầu Bắc đánh thốc xuống Nam, chiếm Hán Thành (Séoul) kinh đô của Nam, Tướng Mac Arthur đóng ở Nhật vội đem quân đổ bộ ở ạt lên, chiếm lại Hán Thành, đẩy quân Bắc lên khỏi vĩ tuyến 38, mấy lần cù cựa như vậy; cuối 1950 khoảng 300.000 quân Trung Hoa, đem đi ngày nghỉ, lên lút tiến trong rừng Bắc Triều Tiên, thành linh đánh Mĩ một trận toại bởi, Mĩ phải lùi về Nam rồi Mac Arthur đem toàn lực quyết chiến một trận đẩy chí nguyện quân Trung Hoa ra khỏi Triều Tiên. Mãi đến năm 1953 kí hiệp ước ở Bàn Môn Điểm. Chẳng có gì thay đổi : hai bên Bắc, Nam lại trở về ranh giới cũ.

Theo Fairbank thì Mĩ tổn thất 142.000 người, Nam Triều Tiên tổn thất 300.000 người, Bắc 520.000 người. Trung Hoa có thể tới 900.000 người! Nga phải giúp Bắc 250 triệu Mĩ kim để tái kiến thiết lại.

Nhưng chính quyền Trung Hoa cũng được lợi :

- Nâng cao tinh thần quốc gia trong dân chúng;
- Nắm được khá mau một phần kinh tế của tư nhân;
- Được Nga viện trợ thêm cho 317 triệu Mĩ kim nữa;
- Uy tín tăng lên, thành một trong những cường quốc về quân sự ở trên thế giới, mà Triều Tiên tùy thuộc Trung Hoa hơn là tùy thuộc Nga.

3. Năm 1951 là năm khủng bố. Tôi không có tài liệu nào khác ngoài một trang trong *La Chine populaire* mà tôi dịch thoát dưới đây.

Tháng 2, Mao ban hành đạo luật diệt các hoạt động phản cách mạng, kẻ nào chỉ mới đáng nghi cũng bị thẳng tay trị. Tháng sau ở Bắc Kinh bắt đầu có những vụ án lớn lao xử hàng đám người; lần lần những vụ xử như vậy lan khắp thị trấn trong một không khí mật cáo hăng say kinh khủng. Trong một đêm cảnh sát Thượng Hải bắt từ 10.000 đến 20.000 người. Ngày nào cũng có những vụ xử tử hàng đám người, và dân chúng phải tới dự. Mới đầu người ta chỉ bắt bớ những kẻ phản động đặc biệt; hội viên các hội kín, phần tử sống ngoài lề xã hội, nhân viên và cựu nhân viên Quốc Dân đảng, bọn du kích chống cộng sản, nhưng rồi người ta bắt bớ cả những kẻ làm nghề tự do, cựu đoàn viên nghiệp đoàn Quốc Dân đảng, kẻ cộng tác với các nhà doanh nghiệp ngoại quốc v.v.. Báo chí đăng cho biết số người bị xử tử hàng ngày, luôn luôn là từ vài chục tới vài trăm. Sau này Chu Ân Lai cho biết tỉ số người

bị xử tử tới 16% số người bị đưa ra tòa. <sup>(1)</sup> Người ta đoán phỏng chừng có từ 1 đến 3 triệu người bị giết.

Tới tháng 10 (7 tháng sau) vụ đó mới chấm dứt. Thật là khủng khiếp, dân chúng làm sao quên được, và từ đó không ai dám nghĩ đến việc tổ chức phong trào chống đối chính quyền nữa.

Cũng trong tháng 10, chính quyền tổ chức lại giáo dục, hướng về kĩ thuật, lập nhiều trường chuyên môn.

Tháng 5, Trung Hoa “giải phóng” Tây Tạng mà không đổ máu, nhưng việc đó không ngăn được Tây Tạng nổi dậy năm 1959 (sẽ xét sau).

Năm 1952 cũng bắt đầu bằng một chiến dịch mạnh mẽ : ba diệt và năm diệt. “Ba diệt” là diệt tham nhũng, phi phạm của công và quan liêu. Chiến dịch này nhắm các cán bộ chính quyền trước hết, vì nhiều cán bộ hoặc thiếu kinh nghiệm, hoặc trở lại những thói xấu thời trước.

“Năm diệt” nhắm giới tiểu tư sản, nhất là bọn thương nhân, công nghệ gia, bọn này có thói hối lộ cán bộ. Nhưng chiến dịch cũng nhằm mục đích dẹp hết các xí nghiệp tư doanh, chuyển qua xí nghiệp quốc doanh. Năm diệt là diệt sự hối lộ cán bộ, sự trốn thuế, sự buôn bán gian lận, sự ăn cắp của công, sự ăn cắp tài liệu kinh tế, làm hại cho quốc gia.

Hai chiến dịch đó gây một tình trạng hỗn độn không thể tả được về hành chánh và kinh tế, vì phong trào tố cáo lẫn nhau (được chính quyền khuyến khích,

(1) Có người ngờ tỉ số 16% đó còn thấp, vì Chu Ân Lai nổi tiếng là nói láo một cách hòa nhã, dịu dàng (*suave menteur*).

có khi bắt buộc nữa), nổi lên khắp nơi, ai cũng nơm nớp lo sợ, không còn làm ăn gì được cả.

Về phương diện kinh tế, phải kể việc chính quyền khuyến khích sự tương trợ, để chuẩn bị cho tổ chức hợp tác xã. Sản xuất công nông và kỹ nghệ đã bằng, có nơi hơn những năm thịnh vượng nhất trước chiến tranh, nhờ những công trình thủy lợi ở thung lũng sông Hoài (giữa hai sông Hoàng Hà và Dương Tử) và sự xây cất vài đường xe lửa như đường Trùng Khánh - Thành Đô.

Chính quyền lại làm chủ được 52,8% các xí nghiệp kỹ nghệ (năm 1949 chỉ có 34,2%) nhờ chính sách dọa dẫm, bắt buộc, và cũng nhờ một số người tự nguyện cống hiến. Tất cả những kỹ nghệ nặng đã thuộc về chính phủ.

Cuối năm 1952 nhờ vậy mà chính phủ đã có tất cả những điều kiện xã hội và kinh tế thuận tiện cho một giai đoạn mới, tiến bộ hơn. Khi chiến tranh Triều Tiên chấm dứt, Nga giúp cho Mao 317 triệu Mỹ kim, Trung Hoa bắt đầu phát triển mạnh về kỹ nghệ.

### C. GIAI ĐOẠN CHUYỂN QUA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Từ 1953 chính quyền đã diệt được rất nhiều kẻ chống đối, rồi đặt trọng tâm vào công việc kiến thiết kinh tế, gây nên một sự xáo trộn lớn trong cơ cấu xã hội và kinh tế.

Guillermaz chia giai đoạn từ 1953 đến 1966 (năm bắt đầu cuộc cách mạng văn hóa) làm bốn thời kỳ :

. Thời kế hoạch năm năm đầu (1953 - 1957).

. Thời "nhảy vọt", tăng tốc độ lên (1958 - 1959).

. Thời khó khăn nghiêm trọng về kinh tế, buộc chính phủ phải nới tay (1959 - 1962).

. Thời lấy lại sức (1963 - 1966).

Từ tháng 8 - 1966, chính trị và ý thức hệ lại lên hàng đầu, lấn kinh tế. Phong trào giáo dục về xã hội chủ nghĩa mở rộng ra thành một cuộc "cách mạng văn hóa" làm thay đổi hẳn hướng đi, tổ chức và sự hoạt động của chế độ.

\*

\* \*

#### . Kế hoạch thứ nhất.

Nam đầu, 1953, Mao còn dò dẫm, đợi chiến tranh Triều Tiên kết thúc và Nga bằng lòng thực hiện cho Trung Hoa 141 dự án quan trọng về kỹ nghệ, cho nên mãi đến đầu năm 1955, mới quyết định đường lối và mục tiêu : tăng sản xuất kỹ nghệ lên gấp hai năm 1952, chú ý nhất tới kỹ nghệ nặng. Đây là thời chuyển qua chế độ xã hội chủ nghĩa bằng chế độ tư bản quốc gia. Người ta tiến hành rất mau, cuối năm 1956, những xí nghiệp kỹ nghệ quốc gia hoặc bán công bán tư đã có non 99% số thợ và nhân viên toàn quốc và sản xuất được 99,62% tổng số sản phẩm kỹ nghệ trong nước (theo báo cáo chính thức); chỉ còn khu vực thương mại là để cho tư nhân lãnh một phần nhỏ (15,9%). Vậy là giới tư sản quốc gia, một trong 4 giai cấp đã bị diệt.

Ở nông thôn, vẫn còn một số trung và tiểu nông có tài sản khai thác ruộng đất theo khuynh hướng tư bản, bảo thủ, điều đó không thể chấp nhận được, vì nông phẩm gồm tới 55% lợi tức của quốc gia và xã hội

chủ nghĩa chỉ có thể xây dựng trên một nền nông nghiệp tập thể đại qui mô. Mới đầu chính quyền tỏ ra rất thận trọng.

. Một mặt chính quyền nắm độc quyền thu mua và bán các nông sản quan trọng nhất, như vậy mới có thực phẩm để phát cho cán bộ, công nhân viên, mà bất bọn này phải lệ thuộc vào chính quyền, nếu không thì mất phần ăn, sẽ đói vì không mua ở đâu được (không có thị trường tự do về nhu yếu phẩm); lại thêm nhờ chính sách trả lương bằng nhu yếu phẩm mà chính phủ nắm được kinh tế, giữ cho đồng bạc tương đối không bị phá giá vì chúng ta nên để ý kinh tế Trung Hoa thời đó là thứ kinh tế khép (économie fermée), rán tự túc, ít nhập cảng, xuất cảng, những máy móc cần thiết thì đã có Nga cung cấp cho.

. Mặt khác, chính quyền tiến từng bước một :

- Khuyến khích nông dân lập những tổ đổi công (kíp tương trợ) trong những mùa cấy, gặt, hết mùa thì thôi.

- Rồi khuyến khích sự tương trợ thường xuyên;

- Sau cùng mới lập những hợp tác xã, sản xuất tập thể.

Chính quyền ra lệnh cho cán bộ không bắt buộc ai cả, chỉ thuyết phục dần thôi, ai muốn vào nông trường tập thể thì vào, mà vào thì vẫn được làm chủ miếng đất của mình, tới khi gặt rồi thì ngoài công của mình (làm bao nhiêu ngày, được chia bao nhiêu bó lúa chẳng hạn), còn được một phần lợi tức nhiều ít tùy miếng đất của mình góp vào hợp tác xã lớn hay nhỏ, sau khi để riêng ra một số làm vốn tiết kiệm chung. Công không tính theo giờ làm việc mà theo công việc

làm được : cấy, gặt được bao nhiêu bó, mỗi bó nặng bao nhiêu...

Mỗi hợp tác xã trung bình gồm khoảng 20 gia đình; lớn thì có 40 - 50 gia đình. Năm 1953 có 14.000 hợp tác xã sản xuất, năm sau lên tới 95.000; 1955 vọt lên 600.000; 1957 tới 8 triệu. (Theo báo cáo).

Lập những hợp tác xã đó không phải để có những khoảnh đất rộng để dùng máy cày, máy gặt chẳng hạn vì ngay bây giờ (1983) Trung Hoa vẫn có rất ít máy móc; chủ yếu là để dân sống tập thể, mau tiến lên xã hội chủ nghĩa, mà chính quyền cũng dễ kiểm soát cả kinh tế lẫn chính trị.

Năm 1957, kế hoạch hợp tác hóa đó kể như thực hiện xong. Nhất định là dân chúng rất phần uất (Guillermaz), lí do thứ nhất vì nông dân nước nào cũng vậy, vẫn thích làm chủ hoàn toàn miếng đất của mình (Chính phủ tuy cho họ mỗi gia đình giữ vài trăm thước vuông, tự ý trồng trọt, nhưng chỉ là cho giữ thôi, chứ không được làm chủ). <sup>(1)</sup> lí do thứ nhì họ mất tự do (cuốn *La Chine* của R. Lévy in tám hình "một hợp tác xã" : trong hình có khoảng hai chục nông dân, đàn bà nhiều hơn đàn ông, lượm cái gì đó trên một khu đất cát cho vào các ki, họ lom khom làm việc khi ba cán bộ vác súng đi đi lại lại, canh chừng họ); lí do thứ ba, không kém quan trọng, là cán bộ thi hành chỉ thị của chính quyền không đúng : thiên vị, tham nhũng, hách dịch ngòi không mà hưởng... Con người ở Nga Trung Hoa, Đông Tây gì... đâu đâu mà chẳng vậy! Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Phải đào tạo con người xã hội

(1) Dân tỉnh Hà Nam có câu này : "Đất của mình là con đẻ, đất mượn là con nuôi, đất tập thể là trẻ mồ côi".

chủ nghĩa (nghĩa là có đạo đức liêm khiết siêng năng, không nghĩ tới mình mà chỉ nghĩ tới lợi chung : chỉ công vô tư) rồi mới xây dựng được Chủ nghĩa xã hội". Nếu theo đúng lời đó thì phải mấy trăm năm nữa mới xây dựng được xã hội chủ nghĩa ?

Dân chúng bất bình lắm, nhưng cơ hồ không phát ra một cuộc nổi loạn nào cả. Có đúng như lời Guillerma không : dân hi vọng ở một tương lai dù không tốt đẹp thì cũng được bảo đảm khỏi chết đói; vả lại cũng được an ủi vì còn giữ được miếng vườn mấy trăm thước vuông ? Hay là vì họ còn nhớ vụ khủng bố năm 1951 ?

Tới năm 1957 kế hoạch năm năm thứ nhất đã thực hiện xong, về một vài điểm, còn vượt chỉ tiêu nữa. Kết quả mỹ mãn.

#### - Kế hoạch thứ nhì 1958 - 1962.

Qua kế hoạch thứ nhì mà Chu Ân Lai đã vạch ra từ tháng 9 - 1956 trong 5 năm cũng phải tăng sức sản xuất kĩ nghệ lên gấp đôi, kĩ nghệ nặng vẫn là quan trọng nhất, nhưng phải phát triển kĩ nghệ nhẹ mạnh hơn. Lại có thêm một kế hoạch phát triển canh nông trong 12 năm (1956 - 1967) nữa.

Nhưng từ mùa hè 1958, kế hoạch đó của Chu Ân Lai bị xáo trộn mạnh, bỏ hẳn. Chỉ vì Mao.

Sau thế chiến khi kiến thiết lại, các nước châu Âu như Đức Pháp tiến mau lắm thì mỗi năm cũng không được tăng được trên 20% sức sản xuất, mà như vậy chỉ trong mấy năm đầu thôi, rồi thì chậm lại, 7 - 8% thôi Trung Hoa trong 5 năm đầu tăng sản xuất lên được gần 100%, tức 20% mỗi năm, trong 5 năm sau nếu giữ được mức đó thì đã là giỏi lắm rồi. Vậy mà Mao nóng

ruột cho là chậm quá, muốn giải quyết ngay vấn đề lương thực cho 500 triệu dân, cứ mỗi năm trung bình tăng lên 3%, tức 15 triệu nữa - rồi về kĩ nghệ vượt Anh trong 15 năm (dù cho vượt được thì cũng không vinh dự gì cho một nước dân số đông gấp 20 nước Anh), để ít năm sau đứng lên hàng đầu thế giới kia!

Cho nên ông ta bỏ kế hoạch của Chu mà đưa ra kế hoạch "nhảy vọt" và "công xã nhân dân". Để sản xuất sắt, thép, các nước kĩ nghệ đều dùng những lò luyện sắt rất lớn và dùng những phương pháp, máy móc tối tân. Trung Hoa có rất ít những lò kiểu đó. Muốn sản xuất vượt nước Anh, Mao bắt mỗi xã phải có một lò nhỏ bằng gạch dùng nông dân và những phương tiện cổ lỗ trong xã. Như vậy nông dân vừa làm ruộng vừa làm thợ, và theo Mao, không còn sự cách biệt giữa hai giai cấp đó nữa. Làm nhỏ thôi, nhưng hàng vạn lò trong nước sẽ sản xuất được nhiều. Mỗi xã phải đạt được mức sản xuất chính quyền ấn định. Không có điện thì dùng than, củi; không có quặng thì lượm những đồ cũ bằng sắt thép, hết đồ phế thải thì có nơi thu cả những đồ dùng của dân từ cây đinh đến chiếc chìa khóa... bất kỳ cái gì cũng dát vào lò nấu; xoay xở cách nào tùy ý. Thử sắt, thép nấu như vậy tất nhiên là xấu, rất xấu, điều đó không quan trọng, miễn là cuối năm đạt được mức ấn định, mà nếu không đạt được thì cứ báo cáo láo <sup>(1)</sup> vì thống kê do cán bộ trong xã làm... kết quả là 90 triệu bàn tay lao động trong

(1) Chẳng hạn Đảng báo cáo về mức sản xuất lúa : năm 1957 - 185 triệu tấn, năm 1958 - 357 triệu tấn (gần gấp hai năm trước); sự thực năm 1958 chỉ có 250 triệu tấn.

mấy năm chỉ tạo được rất nhiều sắt vụn không dùng được vào việc gì.

Mao cho rằng chính sách nhảy vọt <sup>(1)</sup> đó có cái lợi là địa phương hóa kinh tế, kích thích sự ganh đua giữa các địa phương và nâng cao tinh thần cán bộ. Không còn một kẻ nào ở không.

Đồng thời với chương trình nhảy vọt, Mao bắt nhiều hợp tác xã nông nghiệp hợp nhau lại thành một công xã nhân dân tự túc, vĩ đại (khoảng 2 - 3 vạn dân) theo tổ chức quân đội. Mỗi xã có đủ các cơ quan hành chính, sản xuất nông phẩm và kĩ nghệ, cày ruộng, nuôi tằm, nuôi cá, chế tạo đồ dùng. Đàn ông, đàn bà phải làm việc suốt ngày ở các cơ quan đó như thợ ở các thị trấn. Có nhà ăn tập thể do một nhóm người quản lí, có nhà trẻ để gởi con, có nhà tập thể cho họ ở, nam nữ cách biệt. Theo lí thuyết thì họ thiếu gì, cần gì, công xã cung cấp cho hết : bước đầu đi tới cộng sản thực sự. Mao từ 1958 đã muốn tiến trước Nga nữa, Nga hiện nay vẫn còn ở giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Thực hiện được thì xóa bỏ hết sự cách biệt giữa thị trấn và thôn quê, giữa thợ và nông dân, công việc trí óc và công việc tay chân, mà không còn tư hữu nữa, cái gì cũng tập thể.

Nhưng cả hai sáng kiến của Mao đều thất bại : nông nghiệp suy sút <sup>(2)</sup> kĩ nghệ lụn bại, kinh tế có cơ sụp đổ. Dân chúng thiếu ăn, phải làm kiệt lực, chán

(1) Trong sách *La vie privée du Président Mao*, Plon, Paris, 1994, tác giả Li Zhisui viết rất chi tiết về "bước nhảy vọt" và cảnh toàn dân Trung Quốc nấu sắt, cuối cùng người dân không còn đao thái rau (BT)

(2) Một phần vì dân chán nản, một phần vì năm 1958, Mao bắt diệt hết chim sẻ mà động ruộng vườn tược đẩy sâu bọ.

nản, không dám nổi loạn, nhưng phản ứng bằng nhiều cách. Họ bỏ nông thôn, ra tỉnh kiếm ăn, sống cầu bơ cầu bất. Theo bản thông tin chính thức, trong một tháng, hai thị trấn ở Mãn Châu có thêm được 2 vạn dân quê di cư ra, ở Tây An, mỗi ngày trung bình có 600 nông dân tới ở. Chính quyền trung ương phải ra lệnh không phát giấy đi đường cho những người dân không có giấy chứng nhận có việc làm ở tỉnh. Không trốn được nữa thì họ dùng chính sách tiêu cực : làm lấy lệ, hoặc không chịu nhận mức sản xuất ấn định.

Chính quyền địa phương trách "cán bộ" đã hấp tấp bắt dân vô công xã, không thuyết phục họ trước.

Nhưng Mao thì đổ tội cho những đồng chí thiếu tin tưởng, thiếu can đảm, không tiến mạnh, tiến nhanh, y như "bọn đàn bà bỏ chân, sợ cạp phía trước và rông phía sau". Sản xuất không đúng tiêu chuẩn chỉ là tại thiếu nhiệt tâm, phải học thêm chủ nghĩa Mác Lê. Sau này (từ cách mạng văn hóa), ông bắt phải thuộc lòng tư tưởng của chính ông. Còn nông dân thì chỉ than khổ mà chính phủ chẳng giúp đỡ gì cả.

Tới đầu năm 1960, cả "nhảy vọt" lẫn công xã <sup>(1)</sup> đều hoàn toàn thất bại. Tháng 7 năm đó, Nga lại tàn nhẫn rút 500 hay 1.000 kĩ thuật gia về. Có tác giả bảo tại Mao không cho Nga xen vào nội bộ, Nga bất bình, không chỉ cho bí thuật bom hạt nhân nữa như đã hứa vùng vàng, tuyết giao.

(1) Hết thảy có khoảng 74.000 công xã, mỗi công xã gồm độ 5000 gia đình, được khoảng 4.500 héc ta ruộng; mỗi công xã lại chia ra làm nhiều "nhóm" lớn và nhỏ : lớn gồm từ 200 đến 500 gia đình, nhỏ từ 20 đến 30 gia đình.

Ở các thị trấn cũng có 1027 công xã, gồm 52 triệu người.

Lại thêm ba năm (1959 - 1961) bị đói kém liên, dân chúng hiểu được lỗi sống dưới chế độ Mao rồi, mà lòng hăng hái không còn.

Mao thất bại vì ông ta tiến gấp quá, thiếu kinh nghiệm, không chuẩn bị kĩ, dùng những cán bộ bất tài, nhiều thứ lại quá; nhất là vì ông không hiểu lòng dân, bất chấp nguyện vọng của dân, phá đời sống gia đình của dân.

Mới năm 1957 ông chủ trương phải tiến từ từ, phải mất 4 hay 5 kế hoạch ngũ niên mới xong, mà sao bây giờ ông đổi ý ? Ông ta muốn tỏ ra rằng đường lối cộng sản của ông hơn đường lối của Staline chăng ?

Năm 1961, ông phải dẹp hết 74.000 công xã nhân dân, chỉ giữ lại 5 công xã có cán bộ đặc lực, có tổ chức tốt, mà một công xã mang tên là Spoutnik (Vệ tinh nhân tạo đầu tiên Nga phóng lên không trung năm 1957).

Đành trở lại lối sản xuất cũ, dân chúng lại được tự do một chút, sự phát triển kĩ nghệ bị chậm lại rất nhiều năm. Chính quyền phải thú thực rằng cán bộ công xã đã làm báo cáo láo.

Trong vụ đó, người ta phải phục tư cách của Bành Đức Hoài. Ông sống với nông dân, biết nỗi khổ của họ, biết rõ những báo cáo láo của cán bộ, nhiều người khác cũng biết, nhưng chỉ một mình ông dám cảnh cáo Mao và Đảng. Mao không nghe, sau tìm cách hại ông. Nội bộ của Đảng bắt đầu lục đục.

### **Trăm hoa đua nở**

Nhà lãnh đạo cách mạng vô sản nước nào cũng là trí thức, mà một khi cầm quyền rồi họ (có lẽ chỉ trừ

Lénine) đều nghi kị trí thức, chỉ vì trí thức có tinh thần độc lập, tự do.

Ngay từ buổi đầu, Mao đã rán uốn nắn lại đầu óc bọn trí thức, bắt họ phải học thuyết Mácxít, phải kiểm thảo lẫn nhau, và trong những vụ kiểm thảo chung đó, họ phải tự kiểm phê, thú những hành động, tư tưởng nào của họ trái với đường lối của Đảng.

Những nhà trí thức đi học ở ngoại quốc về, nhiều khi thấy nhục nhã : bị một cán bộ gần như vô học, chẳng biết gì cả mà ra lệnh cho mình cả trong ngành chuyên môn của mình. Đảng cho "hồng" nghĩa là thuộc đường lối của Đảng, trung với Đảng, quan trọng hơn "chuyên", nghĩa là giỏi về chuyên môn. Chỉ một số ít người cầm quyền như Chu Ân Lai mới nghĩ rằng : phải hồng đành rồi, nhưng chuyên còn quan trọng hơn nữa. Nhưng dù địa vị cao như Chu, cũng không có quyền gì cả, vì thiếu số phải phục tùng đa số.

Bọn trí thức đành phải nén lòng tự ái của mình, chịu nhục nhã giả dui giả diếc, tuân lệnh các cán bộ ngu dốt, nếu không thì mất mạng, hoặc phải đi tập lao động trong các trại cải tạo tư tưởng. Được đi cải tạo còn là may đấy : cái khổ tâm nhất là bị cô lập không được làm một việc gì cả, không được tiếp xúc với ai cả, tới mức hóa điên được mà nhiều kẻ đã phải tự tử.

Tháng 1 - 1956, Chu Ân Lai trong một hội họp, tuyên bố rằng trong số 100.000 trí thức "cao" (hạng trí thức trung bình tới 3 triệu 800 ngàn người) chỉ mới có 40% có thái độ tích cực. Ông khuyên, ép các người kia phải hăng hái hơn, hứa sẽ cởi mở hơn với họ.

Giữa năm đó, Lục Định Nhất Bộ trưởng bộ Thông

tin trong một cuộc hội họp các nhà bác học, các văn nghệ sĩ, diễn thuyết về chủ trương trăm hoa đua nở của chính phủ. Từ ngữ “bách khoa tề phóng, bách gia thanh minh” có từ đời Hán để trở phong trào tự do sáng tác thời Chiến Quốc. Mao từ trước vẫn khát khe với giới trí thức, tại sao bây giờ lại “giải phóng” họ? Mỗi người đưa ra một thuyết: Kể thì bảo ông hy vọng mọi cán bộ trong nước sẽ đứng sau ông để xây dựng quốc gia cho mau; kể thì bảo ông muốn nhồi nắn lại ý thức của toàn dân. Có kể lại ngờ ông đánh bầy, để tóm và diệt hết những người còn có ý chống lại ông. Lại có ý kiến cho rằng Mao chỉ bắt chước Nga: Sau khi Staline chết, có phong trào “băng rã” (1954 - 1962), Nga cởi mở cho văn nghệ sĩ, Trung Hoa rồi Việt Nam cũng làm theo. <sup>(1)</sup>

Phong trào trăm hoa đua nở đó không phải chỉ hạn chế trong giới văn nghệ mà mở rộng ra cho các nhà bác học, kĩ thuật gia... ai có ý kiến gì cứ phát biểu cho chính quyền biết mà sửa sai. Nhưng giới cầm bút uất hận nhất vì chính sách văn học của Mao không cho họ được tự do viết, cứ phải theo đúng đường lối của chính quyền, mà đường lối này lại thay đổi bất thường nữa mới khổ cho chữ, nên khi thấy Lục Định Nhất tuyên bố cho “mọi nhà đua tiếng”, nhất là khi chính Mao Thuần, nhà văn cộng sản có tên tuổi, Bộ trưởng Văn hóa, đọc một bài diễn văn, bảo:

“Theo đường lối “trăm nhà đua tiếng”, chúng ta (tức bộ của ông, tức chính quyền) phải *chấp nhận mọi phái văn nghệ*, để họ tự do thảo luận, ganh đua với nhau...”

(1) Hai thuyết sau có phần không đúng.

“Từ thời xưa, dân tộc chúng ta đã tạo nên một nền văn học không khi nào đồng điệu, độc điệu, không khi nào cứng rắn và thiếu sinh khí, mà bao gồm tất cả các hình thức của cuộc sống, đầy mâu thuẫn và vẻ đẹp. Chúng ta có trách nhiệm phát triển truyền thống đó cho mỗi ngày thêm vẻ vang chứ không có quyền hủy diệt nó”.

Khi thấy như vậy thì các văn nghệ sĩ “đua tiếng” thật tình, chỉ trích đường lối cũ của chính quyền mỗi ngày mỗi hăng.

Lúc đó ở Âu, dân chúng Hung Gia Lợi cũng nổi dậy, chống nhà cầm quyền, Mao Trạch Đông có lẽ ngại về tình hình bên Hung, lại cởi mở thêm nữa, cho phép những “học phái khác nhau có thể tự do tranh luận... Vấn đề phái trái trong nghệ thuật và khoa học cần được giải quyết bằng tự do thảo luận”. Con người đó có nhiều mâu thuẫn như chong chóng.

Được thế, bọn văn nghệ sĩ không còn kiêng kị gì cả, tha hồ chống lại Đảng. Một sinh viên và giáo sư còn tính đề xướng một cuộc vận động Ngũ táp thứ nhì (hồi đó vào cuối tháng 4 năm 1957) để mở một kỉ nguyên tự do; vô số nhà trí thức hưởng ứng.

Dân chúng nhao nhao lên đã kích cán bộ, đảng viên, tố cáo những kẻ có tinh thần quan liêu, đảng phái, theo giáo lí chủ nghĩa. Các cơ quan gần như không còn làm gì được nữa: nhân viên nghi kỵ nhau, rình rập nhau. Mao biết rằng mình hớ vì đã long trọng tuyên bố rằng chỉ độc tài với bọn phản động, kẻ thù của chế độ thôi, chứ dân thì được hưởng tự do, dân chủ. Nhưng không dám đàn áp toàn dân, đành phải thanh trừng nội bộ.

Một tờ nhật báo ở Hán Khẩu đăng một bức thư ngỏ gửi Mao Trạch Đông : “Nhiều công dân bị cơ quan họ giúp việc, giam trong khắp nước (không phải trường hợp của tôi). Nhiều kẻ chết vì không chịu được sự chỉnh phong (rectification : chỉnh lại tác phong)... Có những trí thức tự tử : nhảy từ trên lầu cao xuống, đâm đầu xuống sông, uống thuốc độc, tự cửa cổ, nhiều vô kể”. Rồi tác giả kết : tôi thà chết trong phòng hơi độc của Hitler hoặc bị chôn sống như thời Tần Thủy Hoàng, chứ không chịu lối “chết tâm lý”, lối “diệt tinh thần” đó (ý muốn nói không chịu bị tẩy não).

Tới mức đó, chính phủ không còn nắm được phong trào nữa, phải lật ngược chính sách, thắt chặt lại tấn công phái “hữu” và bọn “xét lại”.

Trong ba tháng liền, từ tháng 6 đến tháng 9 - 1957, Hội các nhà văn họp tới 27 phiên để vạch tội bọn nhà văn xuyên tạc phương châm “Trăm hoa đua nở”, bỏ nội dung giai cấp của nó, cho nó là một chính sách “tự do hóa cho giai cấp tư sản” (nghĩa là cho bọn tư sản được tự do trở lại).

Đinh Linh, nhà văn được giải thưởng Staline (với chồng sau là Trần Minh), Phùng Tuyết Phong... và “bè phái của họ” bị kết tội là chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội, muốn truất quyền lãnh đạo của Đảng! Trong các buổi xử tội đó, Chu Dương làm chủ tịch, cùng với Lục Định Nhất, Quách Mạt Nhược, cả Mao Thuần nữa phát biểu ý kiến. Không biết ý kiến của Lục và của Mao lúc này ra sao. Nhóm Đinh Linh, Trần Xí Hà bị trục xuất khỏi đảng, truất quyền công dân, truất luôn cả tác quyền. Vậy họ không còn quyền cầm bút nữa.

Cuộc thanh trừng này thật vĩ đại. Người ta tính

ra có ít nhất là một ngàn văn nghệ sĩ bị khai trừ, hoặc ít nhất là bị “chỉnh” phải thú tội, hứa sửa lỗi. Con số đó không làm cho ta ngạc nhiên, vì phong trào “thiên hữu” đó lan tràn khắp nước tới cả những miền hẻo lánh như Tứ Xuyên. Không những các nhà văn lớn trước mắc tội “tư sản” đó, mà những nhà văn trẻ tuổi, được đảng đào tạo, có chân trong đảng, giữ những chức vụ quan trọng trong đảng mà cũng “tư sản hóa” về tinh thần, mới là lạ cho chứ.

Các nhà trí thức không viết lách gì cả, cộng sản hay không, cán bộ hay không, hễ lỡ tuyên bố bậy bạ hay chỉ tỏ thái độ thích thú tự do của bọn tư sản, cũng bị tội, nhưng nhẹ hơn. Tới tháng hai năm 1958, có trên 1.300.000 nhà như vậy “được” về nông thôn sống với nông dân, làm việc tay chân với nông dân. Từ đó, Trung Hoa cũng như Nga, đưa ra nguyên tắc : phải kết hợp sự lao động tay chân với sự lao động trí óc.

#### **- Mao bị truất, Lưu Thiếu Kỳ lên thay.**

Một nước nghèo làm cách mạng vô sản thì dễ thành công vì dân nghèo theo rất đông <sup>(1)</sup>, nhưng thành công rồi, xây dựng xã hội chủ nghĩa thì khó vô cùng, vì thiếu vốn, thiếu máy móc, thiếu kĩ thuật gia... Mao hiểu lẽ đó nên sau khi chiếm toàn cõi giang san rồi, ông bảo rằng Đảng phải bắt đầu một cuộc trường hành gian lao hơn, đường dài hơn cuộc Trường hành năm 1935 nữa.

Năm 1958 khi bắt đầu cuộc Nhảy vọt, ông 65 tuổi. Có lẽ ông tự nghĩ rằng không còn thọ bao lâu nữa, 10

(1) Một phần vì vậy mà ở Tây Âu học thuyết Marx ít ai còn tin nữa, các đảng cộng sản mất uy tín mà ở các nước nhược tiểu lại mạnh lên.

- 15 năm là cùng, mà muốn trước khi chết, phải đi cho hết cuộc trường hành thứ nhì, nên ông hấp tấp quá, bắt toàn dân phải “nhảy” theo ông. Nước kém phát triển nào cũng vậy, muốn xây dựng mà thiếu điện, thiếu máy móc thì phải dùng nhân lực, dùng sức của bắp thịt và của tinh thần để thay máy.

Điều đáng trách - và làm ông thất bại - là ông bắt dân dã thiếu an, mà phải làm quá sức. Ông ở trong Cẩm thành mà ra lệnh, không biết tình cảnh của dân, mà còn tự hào rằng phương pháp của ông rất mới mẻ, hơn hẳn phương pháp dùng máy móc của Tây Phương, sẽ làm kiểu mẫu cho tất cả các nước đang phát triển trên thế giới, thực ra nó chỉ là cách bắt dặc dĩ, tạm thời phải dùng, chứ trở lại chế độ nô lệ thời xưa có tốt đẹp gì đâu ?

Kẻ thân cận của ông, Chu Ân Lai, Quách Mạt Nhược... đều là những nhà cách mạng rất thông minh, kiến thức rộng, được khắp thế giới coi là những “vinh quang” của dân Trung Hoa, lẽ nào không biết rằng ông lầm lẫn ? Nhưng họ khôn, chỉ có hai người đại Bành Đức Hòa và Đặng Tiểu Bình là dám chỉ trích nên bị Mao sau này trục xuất, trừng trị.

Mao nói thì hay lắm. Không rõ năm nào, có lần ông bảo : “Cộng sản đảng và Quốc Dân đảng, đảng nào sợ lời chỉ trích ? Quốc Dân đảng sợ lời chỉ trích, cấm chỉ trích, hậu quả là không tránh khỏi bị dẫm” (Do Simon Leys dẫn ở đầu cuốn *Les habits neufs du Président Mao* - tr 15 - Editon Champ Libre 1977).

Có học giả Pháp phục Mao là có kiến thức mênh mông, đọc rất nhiều sách Trung Hoa và ngoại quốc, mà Mao có biết câu này trong *Sử kí* của Tư Mã Thiên

không : “Thiên nhân chi nặc nặc, bất như nhất sĩ chi ngạc ngạc” (*Ngàn người dạ dạ không bằng một kẻ sĩ nói thẳng*). Ông không nghe lời kẻ sĩ họ Bành mà chỉ cần lời dạ dạ của những đồng chí tay sai của ông.

Người phương Tây nói : “Le pouvoir absolu corrompt absolutant” (*Quyền hành tuyệt đối làm hư hỏng mọi người một cách tuyệt đối*). Một ngàn người, một triệu người, một chục triệu người dạ dạ với ông, ông tưởng nắm được đa số, nhưng thực ra đó chỉ là thiếu số vì đa số là hàng dân khổn khổ trong các công xã nhân dân kia, nhưng họ bị bịt miệng cả rồi.

Tháng 12 - 1958 Mao và đồng bọn đương phần khởi về những thành công vĩ đại của bước nhảy vọt trong việc sản xuất thép, thì bỗng nhiên có tin lạ lùng rằng Mao sắp từ chức Chủ tịch Nhà nước (tức như Tổng thống) mà chỉ còn giữ chức Chủ tịch Đảng thôi.

Tháng tư năm sau, người ta thấy tin đó đúng : Quốc hội đã bầu Lưu Thiệu Kỳ, chủ tịch hội đồng bộ trưởng (tức như Thủ tướng) lên thay Mao, bà Tôn Văn (vì bà ở lại Hoa Lục, không theo Tưởng ra Đài Loan) và một người nữa, làm phó chủ tịch.

Có gì đã xảy ra vậy ? Đại hội đảng đã phân tích kết quả bước nhảy vọt, và đề nghị phải xét lại chính sách công xã nhân dân. Như vậy là Đảng đã không tán thành Mao, nhưng chưa trực tiếp tấn công Mao.

Người đầu tiên công kích Mao là Bành Đức Hoài trong hội nghị Lư Sơn (Giang Tây), tháng 7 - 8 - 1959. Bành nguyền thề rằng bạn chiến đấu từ buổi đầu với nhau, cùng ăn chung một gào mên - gamelle với nhau” lời Chu Đức bênh vực Bành trước Ủy ban trung ương thì có thể nói thẳng với nhau được; đâu có ngờ rằng

Mao cũng như Lưu Bang (nhà Hán), Chu Nguyên Chương (nhà Minh) thời xưa, khi thành công rồi, làm gì còn có bạn chiến đấu nữa, chỉ có bọn đầy tớ như Lâm Bưu, Trần Bá Đạt, Vương Hồng Văn, Giang Thanh... thôi.

Tháng 7 - 1959, ở Lư Sơn, Bành đưa ra một bức thư ngỏ gửi Mao Trạch Đông, chỉ trích bước nhảy vọt và chế độ Công xã nhân dân là “hãng say tiểu tư sản, chủ quan, dân chúng chịu không nổi”. Chưa đầy hai tháng sau, Bành phải viết thư tự thú với Đảng là lầm lỗi, đã nhìn sự việc theo “nhân quan tiểu tư sản”,<sup>(1)</sup> và xin được rời Bắc Kinh, vào một công xã nhân dân để cải tạo tư tưởng. Có lẽ nhờ bức thư đó và nhờ địa vị của ông trong Đảng : ủy viên chính trị, phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng Quốc Phòng, lại được bạn bè trong chính quyền mến, quân đội trọng mà ông còn được sống.

Mao thấy tình hình có vẻ nguy cho mình rồi, nên phải nhờ Lưu Thiệu Kỳ, người thứ nhì trong đảng gỡ bí cho. Lưu vận động trong Đảng được một số đồng chí trích đường lối của Bành, bênh vực Mao; vậy là Mao không “bị chết về chính trị”, vẫn còn làm chủ tịch Đảng, nhưng ông ta cũng phải trả một giá đắt : thực quyền vào tay Lưu Thiệu Kỳ hết.

Lưu vốn trung thành với Mao, theo đường lối của Mao, không chống đối về chính trị, ý thức hệ gì cả, kiến thức và tư cách tầm thường, chỉ được một điều là tận tâm với chức vụ, làm việc rất đặc lực. Nhưng con người đó nhiều tham vọng, âm thầm gây thêm bè cánh

(1) Cũng lại “tiểu tư sản” nữa, ở Trung Hoa cơ hồ lời **mắng đó độc địa nhất**.

rồi trở lại chệch bước nhảy vọt thay đổi đường lối, từ 1959 đến 1962 cho dân thở một chút, rán cứu vãn kinh tế phần nào (năm 1959 lại bị thiên tai, nông dân đói), để được lòng dân, nhưng không đưa vụ của Mao ra xử công khai, vì nếu Mao bị lật thì có hại cho Lưu. Rốt cuộc vụ Lư Sơn chỉ hại cho Mao, cho Bành mà có lợi cho Lưu. Lưu lên làm chủ tịch nước.

Mao biết vậy, nên địa vị được tạm yên rồi lại nghĩ tới cách lật Lưu để nắm lại quyền hành như cũ. Và Mao rất sáng suốt về “chiến thuật”, nghĩ tới Lâm Bưu.

Trong “chiến dịch phản công” này, Mao tính toán kĩ từng bước. Bành mất chức Bộ trưởng Quốc phòng rồi (sau này Đảng xét lại những lời chỉ trích của ông và phục hồi lại danh dự cho), chỗ đó trống. Mao vận động cho Lâm Bưu lên thay. Lâm là tôi tớ của ông, ông chắc rằng sai bảo gì cũng được. Trong chế độ Cộng sản, Đảng mạnh nhất rồi tới quân đội. Lâm Bưu làm Bộ trưởng Quốc phòng, thì cũng như chính Mao còn nắm được quân đội, sẽ dùng quân đội để lật lại tình thế. Lâm Bưu ít học, ăn nói chậm chạp, nhưng làm việc rất mạnh, nổi tiếng là rất giỏi về chiến thuật. Bề ngoài có vẻ tầm thường, khúm núm nữa, mà trong lòng có tham vọng rất lớn. Từ trước ông ta vẫn bị cái danh của Bành Đức Hoài làm ông phai mờ đi, bây giờ được thay Bành, ông cảm ơn Mao lắm.

Mao bảo ông tổ chức lại quân đội về ý thức hệ, nghĩa là dạy cho họ “triết lí” của Bước nhảy vọt, của Công xã nhân dân, nhồi vào óc họ thuyết này : *hồng* quan trọng hơn *chuyên*, tinh thần cách mạng thắng được vũ khí và kĩ thuật, chiến tranh du kích thắng được những đạo quân tân thức nhất của Tây phương